



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY
CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN**

HỒ SƠ MỜI THẦU

(DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN)

Số: 30595

**CUNG CẤP DỊCH VỤ VỆ SINH, BẢO TRÌ,
BẢO DƯỠNG VĂN PHÒNG VÀ CHĂM SÓC
CÂY XANH CHO NCSP
(GIAI ĐOẠN 2025 – 2026)**

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Dự án/Dự toán mua sắm (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

**DỊCH VỤ VỆ SINH, BẢO TRÌ,
BẢO DƯỠNG VĂN PHÒNG VÀ
CHĂM SÓC CÂY XANH CHO NCSP
(GIAI ĐOẠN 2025 – 2026)**

Bên Mời Thầu

Bùi Tiến Dũng
Giám đốc



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMT	Thông báo mời thầu qua mạng
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu qua mạng
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu qua mạng
Chủ đầu tư/Bên mời thầu/NCSP	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN
Tổng Công ty	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần
Quy định của Tổng công ty	Quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ https://muasamcong.mpi.gov.vn/
VND	Đồng Việt Nam

** *E-HSMT này được xây dựng dựa trên:*

- *Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ngày 15/12/2000 được ký kết giữa 3 Chủ đầu tư của NCSP.*
- *Quy định về Lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11 tháng 4 của Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần (PVGas);*
- *Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023) và các văn bản hướng dẫn hiện hành;*
- *Các quy định pháp luật khác có liên quan.*



MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được đính kèm lên hệ thống;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT, E-HSDT trên hệ thống và tải các file đính kèm lên hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng (theo biểu mẫu hợp đồng)****Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (theo biểu mẫu hợp đồng)****Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.



Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu</p>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
<p>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<p>3. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
<p>4. Hành vi bị cấm</p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSĐT hoặc rút E-HSĐT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSĐT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không</p>

khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và



giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

h) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển



	<p>nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Là Đơn vị trực thuộc hoặc Công ty con của Tổng công ty. 2. Nhà thầu không thuộc Khoản 1 Điều này đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu vận dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu; e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn. 3. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các Điểm d và g Khoản 2 Điều này.
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu</p>

	<p>đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Bên mời thầu. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, Bên mời thầu và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm</p>

	theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV và scan, đính kèm các biểu mẫu lên hệ thống theo yêu cầu. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất hoặc đính kèm trên hệ thống để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:

a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu điền giá vào Đơn dự thầu được hệ thống trích xuất (cơ sở cho biên bản mở thầu) **đồng thời scan bảng giá dự thầu theo mẫu 11 lên Hệ thống.**

b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.

c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.

d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Bảng giá dự thầu” theo Mẫu số 10 Chương IV.

13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:

a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).

b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào Bảng giá dự thầu và scan đính kèm lên Hệ thống.

13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP



	<p>ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p>
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu</p>

	<p>lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên</p>



danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu bảo lãnh dự thầu tại Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:



a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;



	<p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p> <p>18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng</p>



	thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống,</p>



	<p>bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>



<p>23. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các</p>

dung	<p>yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
26. Sai sót không nghiêm trọng	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố</p>

	<p>nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p>



	<p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>28.1 Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi</p>



	<p>triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p> <p>28.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu tại Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá”</p>

và “Giá thấp nhất”):

a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:

- Đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung:

+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;

+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của nhà thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:

- Đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT và các file đính kèm trên hệ thống;

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào tài liệu đính kèm để đánh giá;

- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu;

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.



đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại **E-BDL**. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất”, các nhà thầu, E-HSMT đều không có bất kỳ ưu đãi nào, không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất và không có hiệu chỉnh sai lệch):

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu không bao gồm thuế VAT, nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSMT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất. .

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.

Trường hợp E-HSMT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

29. 5. Nguyên tắc đánh giá E-HSMT:

a) Đối với các nội dung bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hàng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT

thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu “không đạt” ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng.



	<p>Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hàng năm đã được Hệ thống đánh giá tự động là “đạt” theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là “không đạt” thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ “đạt” thành “không đạt”. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>e) Kiểm tra năng lực của các nhân sự bằng cách đối chiếu</p>

	<p>giữa Lý lịch làm việc mà nhà thầu kê khai và thực tế phỏng vấn các nhân sự.</p> <p>f) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. 30.3. Bên mời thầu gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Bên mời thầu.</p>
<p>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Bên mời thầu cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III.</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III.</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tất cả hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, báo giá không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, yêu cầu báo giá. 2. Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm, làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, yêu cầu báo giá. 3. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không tuân thủ quy định của Quy định này hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu.



	<p>4. Giá dự thầu/đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật cao bất thường so với dự toán gói thầu được duyệt mà Cấp có thẩm quyền xét thấy không cần thiết xử lý tình huống theo quy định tại Điều 77 của Quy định này.</p> <p>5. Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm vận dụng theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu.</p> <p>6. Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm vận dụng theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>7. Thay đổi kế hoạch mua sắm, nhu cầu mua sắm, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 32.1 E-CDNT.</p>
<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSĐT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký</p>

hợp đồng	kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
36. Điều kiện ký kết hợp đồng	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89,



	<p>90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ÓNG KHÍ NAM CÔN SƠN
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: CUNG CẤP DỊCH VỤ VỆ SINH, BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG VĂN PHÒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY XANH CHO NCSP (GIAI ĐOẠN 2025 – 2026).</p> <p>Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này.</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh (Áp dụng Quy định về lựa chọn nhà thầu Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11 tháng 04 năm 2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần).
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đầu thầu: Không
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: theo quy định của Hệ thống https://muasamcong.mpi.gov.vn/
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: không yêu cầu.
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 60 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu: 35.000.000 VNĐ (Ba mươi lăm triệu đồng). Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p>

	- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 18.9	Bảo đảm dự thầu: theo quy định đối với giá trị bảo đảm dự thầu dưới 50 triệu đồng.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0%
E-CDNT 28.2	Cách tính ưu đãi: ___ Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi như sau: Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu đó để so sánh, xếp hạng”.
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Áp dụng phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3 (đ)	Xếp hạng nhà thầu Nhà thầu có giá dự thầu (không bao gồm thuế VAT) sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu (không bao gồm thuế VAT) sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 31.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%;
E-CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng;
E-CDNT 38.2	<p>Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh Tel: (0254) 3 864100; Fax: (0254) 3 864099 Người nhận: Lê Văn Tùng – Chuyên viên Mua sắm Phòng Hợp đồng & Cung ứng Vật tư Email: minh.khong@ncsp.com.vn C/c: Nguyễn Đắc Diệu Phương – Trưởng nhóm Hợp đồng & Cung ứng vật tư. Email: Phuong.Nguyen@ncsp.com.vn</p>
E-CDNT 39	<p>Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh Tel: (0254) 3 864100; Fax: (0254) 3 864099 Người nhận: Nguyễn Đắc Diệu Phương – Trưởng nhóm Hợp đồng & Cung ứng vật tư Email: Phuong.Nguyen@ncsp.com.vn C/c Nguyễn Đình Định – Trưởng phòng Kinh doanh Email: Dinh.Nguyen@ncsp.com.vn</p>



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá dự thầu ghi trong Đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.

2. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

3. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo mẫu tại Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 10 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

7. Nhà thầu có cam kết mở bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Dự thảo hợp đồng (nếu có).

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này và được đính kèm trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hằng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực



hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.



Bảng số 01 (Scan đính kèm lên Hệ thống)**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự bao gồm các hạng mục chính sau: + Dịch vụ vệ sinh văn phòng; và + Dịch vụ chăm sóc cây xanh; và + Bảo dưỡng văn phòng - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 1.037.000.000 VND cho 01 chu kỳ (01 năm) (Bao gồm VAT).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được đính kèm trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:



Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn/yêu cầu khác
1	Giám sát kiểm soát bảo trì, bảo dưỡng văn phòng	1	Có 2 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực giám sát vệ sinh văn phòng, chăm sóc cây xanh và bảo dưỡng văn phòng trong các nhà máy công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ nghề bậc 3/7 trở lên về chuyên ngành điện hoặc cơ khí hoặc lắp đặt thiết bị - Chứng chỉ liên quan đến nghiệp vụ quản lý dịch vụ vệ sinh văn phòng và chăm sóc cây xanh (Quản lý khách sạn - nhà hàng,...) do các trung tâm đào tạo có thẩm quyền cấp
2	Nữ tổ trưởng tổ tạp vụ	1	Có 2 năm kinh nghiệm trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tốt nghiệp chuyên ngành buồng hoặc bàn bậc 3/5 trở lên
3	Nam tổ trưởng tổ làm vườn	1	Có 2 năm kinh nghiệm trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ đào tạo kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh, tương đương hoặc cao hơn - Giấy chứng nhận “Kỹ thuật nghiệp vụ vệ sinh công nghiệp và môi trường” - Bằng nghề về điện công nghiệp hoặc cơ khí hoặc lắp đặt thiết bị.

Ghi chú: Trong trường hợp nhà thầu có cung cấp chứng chỉ nhưng chứng chỉ đã hết hiệu lực tối đa 60 ngày trước thời điểm đóng thầu hoặc chứng chỉ còn hiệu lực tại thời điểm đóng thầu nhưng sẽ hết hạn trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu phải cam kết nếu trúng thầu, trước khi thực hiện công việc, nhà thầu sẽ cung cấp chứng chỉ có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện công việc (Mẫu số 12 - Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và mời thầu).

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: Không áp dụng

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:



STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Nhà thầu có đầy đủ các quy trình: Quy trình chăm sóc cỏ Mỹ (chăm sóc cỏ Mỹ Bermuda, Paspalum, Tipeagle green, Sea Isle; Quy trình sử dụng hóa chất (thuốc diệt cỏ và thuốc trừ sâu); Quy trình sử dụng các dụng cụ vệ sinh văn phòng; Quy trình vệ sinh công nghiệp và giấy chứng nhận quản lý chất lượng ISO 9001:2015 hoặc phiên bản cập nhật mới nhất còn hiệu lực.	Cung cấp đầy đủ và chi tiết các quy trình, tài liệu phù hợp với các yêu cầu của NCSP	Cung cấp không đầy đủ và chi tiết các quy trình, tài liệu hoặc các quy trình hoặc tài liệu không phù hợp với các yêu cầu của NCSP
2	Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ các văn bản, giấy chứng nhận, chứng chỉ tại mục II.1; II.2 và II.3 trong Phạm vi công việc trước khi ký kết hợp đồng	Nhà thầu có cam kết trong E-HSDT	Nhà thầu không có cam kết trong E-HSDT
3	Nhà thầu cam kết đáp ứng tất cả các yêu cầu về An Toàn, Sức khỏe & Môi trường và An Ninh trong quy trình “HSE-3000-MP-0044: HSSE Requirement for Contractors of NCSP.” về an toàn, sức khỏe, môi trường của NCSP, đặc biệt chú ý các mục sau: <ul style="list-style-type: none"> • Mục 3.1: Vai trò và trách nhiệm của Nhà thầu • Mục 4: Yêu cầu chung về an toàn • Mục 6: Yêu cầu về vật tư và thiết bị 	Nhà thầu có cam kết trong E-HSDT	Nhà thầu không có cam kết trong E-HSDT
KẾT LUẬN		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		<i>Tất cả các nội dung yêu cầu được đánh giá là “Đạt”.</i>	<i>Có bất kỳ nội dung yêu cầu nào được đánh giá là “Không Đạt”.</i>

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí trong bảng trên được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu (không bao gồm thuế VAT) sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**** GHI CHÚ:**

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:
 - a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo chi phí cộng phí, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;
 - b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi;
 - c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b nêu trên;
 - d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo nguyên tắc này khác với số lượng nêu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 2 – Hiệu chỉnh sai lệch về Phạm vi cung cấp dưới đây;

- e) Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
2. Hiệu chỉnh sai lệch về phạm vi cung cấp:

- a) Sai lệch về phạm vi cung cấp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn:

Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì được coi là sai lệch thiếu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu thì được coi là phần chào thiếu trong hồ sơ dự thầu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này.

Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này;

- b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp:

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục theo quy định tại điểm a khoản này và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các hồ sơ dự thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong hồ sơ dự thầu của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

3. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

4. Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất:

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b Mục 2 nêu trên vẫn được xếp hạng thứ nhất và



hồ sơ dự thầu của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các hồ sơ dự thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu).

5. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 nêu trên, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của bên mời thầu không phù hợp, chính xác.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT

Không cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế



Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01 Phạm vi cung cấp	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	Webform		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh	Webform		X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Cam kết trong đơn dự thầu		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
6	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
7	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
8	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
10	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
11	Mẫu số 08. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
13	Mẫu số 09. Bảng tiến độ thực hiện			X
13	Mẫu số 10. Bảng giá dự thầu			X
14	Mẫu số 11. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi			X
15	Mẫu số 12. Bản cam kết			X

PHẠM VI CUNG CẤP
(đính kèm)



DỊCH VỤ
VỆ SINH, BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG VĂN PHÒNG
VÀ CHĂM SÓC CÂY XANH

Xác định rủi ro ban đầu

Mô tả	Rất thấp	Thấp	Trung bình	Cao
Xác định rủi ro ban đầu (Đánh dấu X vào ô xác định)			X	
Diễn giải các mối nguy (Justification)	<ul style="list-style-type: none">- Mối nguy khi sử dụng máy cắt cỏ, máy khoan, máy cắt, máy mài- Mối nguy khi pha trộn và phun thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu- Rắn/ong/côn trùng độc, vật sắc nhọn có thể gây thương tích nghiêm trọng cho người làm vườn.- Cáp quang và cáp điện, cửa kính có thể bị đứt, vỡ bởi máy cắt cỏ- Tài sản bị mất hoặc thất lạc do sự gian dối.			



PHẠM VI CÔNG VIỆC

Phạm vi công việc sẽ bao gồm việc cung cấp các dịch vụ vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng văn phòng và chăm sóc cây xanh của Nhà thầu như chi tiết dưới đây:

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ CÔNG VIỆC

Nhà thầu sẽ cung cấp nhân sự, để thực hiện các dịch vụ chi tiết dưới đây.

Nhân sự của Nhà thầu sẽ thực hiện Dịch Vụ cho NCSP bao gồm nhưng không giới hạn những hạng mục sau:

- Giám sát kiêm thợ kỹ thuật bảo trì sửa chữa công trình dân dụng
- Nhân viên tạp vụ văn phòng
- Nhân viên làm vườn
- Nhân viên làm vườn và thợ bảo trì sửa chữa công trình dân dụng phát sinh (khi có yêu cầu)

1. Dịch vụ Vệ sinh văn phòng

Nhà thầu cung cấp nhân sự thực hiện dịch vụ vệ sinh văn phòng, đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng tất cả các khu vực sau: Tòa nhà Hành chính, phòng y tế, nhà nghỉ của Giám sát sản xuất, khu vực thay đồ, khu vệ sinh, hành lang, Phòng điều khiển, Xưởng bảo trì sửa chữa, Nhà kho, Trạm cứu hỏa, hệ thống máy lạnh trung tâm và những khu vực khác bên trong Nhà máy (xem Phụ lục 1 đính kèm về dịch vụ vệ sinh)

Ngoài ra, nhân viên tạp vụ được yêu cầu phục vụ trái cây giữa giờ 2 lần/ngày vào lúc 9:30 sáng và 3:00 chiều tại các phòng trà cho nhân viên NCSP tại các khu vực làm việc: Tòa nhà Hành chính, Phòng điều khiển, Xưởng bảo trì sửa chữa, Nhà Kho. NCSP sẽ cung cấp dụng cụ để phục vụ công việc. Nhân viên tạp vụ có nhiệm vụ thu gom, dọn dẹp và rửa tất cả ly tách, đĩa, muống nĩa sau khi sử dụng...v.v

Nhân viên tạp vụ có nhiệm vụ phân phát văn phòng phẩm, nhu yếu phẩm và những vật dụng khác đến các khu vực trong khuôn viên NCSP khi có yêu cầu

NCSP sẽ cung cấp các dụng cụ lau chùi, thiết bị vệ sinh và các loại hóa chất cần thiết để phục vụ công việc.

2. Dịch vụ Làm vườn và Bảo dưỡng văn phòng

Nhà thầu sẽ cung cấp nhân lực chính và nhân lực phát sinh thêm khi cần để thực hiện dịch vụ làm vườn, bảo trì sửa chữa văn phòng. Dịch vụ sẽ bao gồm nhưng không giới hạn theo những điều mục nêu rõ trong phần Yêu cầu Dịch vụ (theo bảng Phụ lục 2) đính kèm. Nhà thầu cung cấp nhân lực có chuyên môn để đáp ứng Yêu cầu Dịch vụ.

NCSP sẽ cung cấp những trang thiết bị bảo hộ đặc chủng nếu thấy cần thiết cho các công việc ở trong khu công nghệ & sản xuất và cung cấp tất cả những thiết bị, máy móc cầm tay phù hợp và các hóa chất liên quan cho công việc.

NCSP sẽ trang bị xe cắt cỏ và các máy cắt cỏ cầm tay phục vụ cho công việc cắt cỏ và NCSP sẽ chịu trách nhiệm bảo trì, sửa chữa và phí xăng dầu cho các thiết bị này.



Giám sát và nhân viên làm vườn có trách nhiệm quản lý tất cả các thiết bị máy móc cho dịch vụ làm vườn. Phải thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị mỗi ngày trước khi làm việc và định kỳ để đảm bảo hoạt động tốt.

3. Nhân lực phát sinh (yêu cầu đột xuất)

Khi có yêu cầu công việc đột xuất, NCSP sẽ yêu cầu Nhà thầu cung cấp nhân lực cho công việc phát sinh (chủ yếu là vị trí thợ làm vườn và thợ bảo trì sửa chữa công trình dân dụng).

Việc thanh toán cho công việc phát sinh đột xuất sẽ căn cứ trên đơn giá nhân công đột xuất tại bảng 2 (bảng giá chào) và bảng chấm công có xác nhận của đại diện NCSP

Nhà thầu phải có các quy trình để thực hiện các công việc trên như: Quy trình chăm sóc cỏ Mỹ (chăm sóc cỏ Mỹ Bermuda, Paspalum, Tipeagle green, Sea Isle; Quy trình sử dụng hóa chất (thuốc diệt cỏ và thuốc trừ sâu); Quy trình sử dụng các dụng cụ vệ sinh văn phòng; Quy trình vệ sinh công nghiệp.

Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ quy trình ADM-3000-MP-0008 của NCSP: Hướng dẫn vận hành máy cắt cỏ cầm tay, máy cắt cỏ đẩy tay và xe cắt cỏ.

Nhà thầu phải tuân thủ việc sử dụng và bảo quản hóa chất, phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất, qui định về an toàn hóa chất, kiểm soát rủi ro và bảo vệ môi trường của NCSP.

II. NHÂN LỰC

1. Giám sát kiêm thợ bảo trì, bảo dưỡng văn phòng

Nhà thầu sẽ cung cấp 1 giám sát kiêm thợ bảo dưỡng văn phòng để vừa làm nhiệm vụ giám sát vừa phối hợp với Đại diện của NCSP trong việc sắp xếp kế hoạch công việc cho tất cả các nhân viên tạp vụ và làm vườn. Bên cạnh đó, nhân viên này cũng có trách nhiệm phân công thực hiện các công việc bảo dưỡng văn phòng như sửa bóng điện, cửa, cửa sổ, ống nước, xe đạp... theo đúng kế hoạch thời gian yêu cầu và tuân theo đúng các quy định an toàn của Công ty NCSP. Vị trí này phải trải qua một lớp huấn luyện đào tạo do NCSP thực hiện về hệ thống quản lý và thực hiện công việc (Work Control System) tại NCSP để trở thành người thực hiện công việc PA (Performing Authority) trước khi làm việc cho NCSP. Tất cả công việc do phòng Hành Chính quản lý mà cần có giấy phép làm việc để thực hiện thì PA sẽ có trách nhiệm phối hợp với phòng Hành Chính chuẩn bị tài liệu và thủ tục để xin các giấy phép làm việc liên quan.

Yêu cầu:

- Có ít nhất 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giám sát vệ sinh văn phòng, chăm sóc cây xanh và bảo dưỡng văn phòng trong các nhà máy công nghiệp;
- Có chứng chỉ nghề bậc 3/7 trở lên về chuyên ngành điện hoặc cơ khí hoặc lắp đặt thiết bị;
- Có chứng chỉ liên quan đến nghiệp vụ quản lý dịch vụ vệ sinh văn phòng và chăm sóc cây xanh (Quản lý khách sạn - nhà hàng,...) do các trung tâm đào tạo có thẩm quyền cấp;
- Có giấy chứng nhận đã tham gia khóa học kỹ năng quản lý của Đốc công/tổ trưởng hoặc tương đương;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương trình độ B hoặc cao hơn;
- Có chứng nhận đã tập huấn khóa an toàn lao động;
- Có chứng nhận tham gia lớp huấn luyện PCCC;

(Tất cả chứng chỉ/chứng nhận còn có hiệu lực).

Yêu cầu thêm: biết/có kỹ năng về cơ khí như biết bảo dưỡng, sửa chữa những công việc dân dụng, sửa xe đạp, sửa khóa, sửa ống nước; có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện, công cụ điện thành thạo.

2. Nhân viên tạp vụ

- Nhà thầu cung cấp 6 nhân viên tạp vụ (1 nữ tổ trưởng, 1 nam, 4 nữ)

Yêu cầu:

- 01 nữ tổ trưởng tổ tạp vụ:
 - Có ít nhất 2 năm kinh nghiệm;
 - Tốt nghiệp chuyên ngành bằng hoặc bàn bậc 3/5 trở lên;
 - Có chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm;
 - Có chứng nhận đã tập huấn khóa an toàn lao động;
 - Có chứng nhận tham gia lớp huấn luyện PCCC.
- 01 nhân viên tạp vụ nam:
 - Có ít nhất 2 năm kinh nghiệm.
 - Chứng nhận kỹ năng nghiệp vụ bàn và vệ sinh văn phòng;
 - Có chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vệ sinh công nghiệp và môi trường;
 - Có chứng nhận tham gia lớp huấn luyện PCCC;
 - Có chứng nhận đã tập huấn khóa an toàn lao động;
- 04 nhân viên tạp vụ nữ:
 - Tốt nghiệp chuyên ngành bằng hoặc bàn bậc 3/5 trở lên;
 - Có ít nhất 2 năm kinh nghiệm;
 - Có chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm;
 - Có chứng nhận đã tập huấn khóa an toàn lao động;
 - Có chứng nhận tham gia lớp huấn luyện PCCC.

Các chứng nhận/chứng chỉ trên phải còn hiệu lực.

3. Nhân viên làm vườn và bảo dưỡng văn phòng

Nhà thầu cung cấp 6 nhân viên nam làm vườn, trong đó 1 tổ trưởng.

Yêu cầu:

- 01 Tổ trưởng tổ làm vườn:
 - Tối thiểu 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực làm vườn/cây cảnh;
 - Có chứng chỉ đào tạo kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh
 - Có bằng nghề về điện công nghiệp hoặc cơ khí hoặc lắp đặt thiết bị để kiểm thực hiện các công việc như sửa & thay bóng đèn, sửa xe đạp, sửa khóa, sửa ống nước, sửa hệ thống vệ sinh...
 - Có giấy chứng nhận “Kỹ thuật nghiệp vụ vệ sinh công nghiệp và môi trường”;
 - Có chứng nhận đã được huấn luyện an toàn lao động;
 - Có chứng nhận tham gia lớp huấn luyện PCCC;
 - Có chứng nhận vào khu vực không gian hạn chế;
- 05 Nhân viên làm vườn:
 - Tối thiểu 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực làm vườn/cây cảnh;
 - Có chứng chỉ đào tạo kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh;
 - Có giấy chứng nhận “Kỹ thuật nghiệp vụ vệ sinh công nghiệp và môi trường”;

-
- Có chứng nhận đã được huấn luyện an toàn lao động;
 - Có chứng nhận tham gia lớp huấn luyện PCCC;
 - Có chứng nhận vào khu vực không gian hạn chế

Các chứng nhận/chứng chỉ trên phải còn hiệu lực.

4. Thời gian làm việc

Thời gian làm việc 5 ngày một tuần từ thứ hai đến thứ sáu (không kể thứ bảy chủ nhật và các ngày lễ, tết). Giờ làm việc sẽ là 9 tiếng một ngày bao gồm cả 1 tiếng nghỉ ngơi, ăn trưa giữa ngày (từ 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều hoặc có thể thay đổi theo thỏa thuận của 2 bên).

Ngoài giờ làm việc bình thường, NCSP có thể yêu cầu nhân viên của Nhà thầu làm việc thêm ngoài giờ kể cả thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ, tết. Nếu làm thêm ngoài giờ, nhân viên sẽ được trả theo mức quy định của pháp luật.

III. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

- Nhà thầu cung cấp đầy đủ thông tin nhân sự tham gia thực hiện công việc theo mẫu đính kèm ở phụ lục 1 của quy trình HSE-3000-MP-0044.
 - Nhà thầu phải có giấy chứng nhận quản lý chất lượng ISO 9001:2015 hoặc phiên bản cập nhật mới nhất còn hiệu lực.
 - Nhà thầu tự chịu trách nhiệm việc vận chuyển các trang thiết bị và tự lo phương tiện đi lại cho nhân công của mình khi thực hiện công việc cho Hợp đồng này
 - Tất cả nhân viên của Nhà thầu cung cấp cho Công ty NCSP phải có cung cách phục vụ, giao tiếp, ứng xử nhã nhặn, lịch sự và thực hiện công việc một cách tận tình, chu đáo và chuyên nghiệp đặc biệt là tính trung thực trong lĩnh vực của mình
 - Khi có yêu cầu công việc, NCSP được quyền điều động Nhân viên Giám sát, Tạp vụ và nhân viên làm vườn để thực hiện những công việc tương tự khác.
 - NCSP sẽ phỏng vấn và chọn những nhân viên do Nhà thầu gửi đến đáp ứng các yêu cầu nêu tại Mục II như trên. Nếu trong quá trình làm việc phát hiện nhân viên không đáp ứng yêu cầu, Nhà thầu có trách nhiệm thay thế bằng nhân viên đáp ứng yêu cầu Hợp đồng trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận thông báo của NCSP.
 - Nhà thầu phải đảm bảo việc ký kết Hợp đồng lao động ít nhất là cho hết thời hạn thực hiện Hợp đồng với tất cả nhân viên thực hiện Hợp đồng này. Nhà thầu chịu trách nhiệm chi trả đầy đủ cho nhân viên tất cả các khoản theo cam kết của Nhà thầu và tuân thủ pháp luật Việt Nam về lao động.
 - Nhà thầu có trách nhiệm đọc hiểu và đảm bảo tất cả nhân viên làm việc theo Hợp đồng này phải tuân thủ tuyệt đối quy trình HSE-3000-MP-0044: “Yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường & An ninh đối với Nhà thầu của NCSP” đặc biệt chú ý các mục sau:
 - Mục 3.1: Vai trò và trách nhiệm của Nhà thầu
 - Mục 4: Yêu cầu chung về an toàn
 - Mục 6: Yêu cầu về vật tư và thiết bị
- Các mục còn lại vẫn sẽ được áp dụng đối với các công việc của Nhà thầu nếu có liên quan.
- Nhân viên Nhà thầu phải kiểm tra sức khỏe đầu vào theo qui định tại Thông tư 09/2023/TT-BYT và có kết luận là đủ sức khỏe phù hợp cho công việc được giao thì mới được thực hiện công việc tại NCSP. Tất cả các chi phí này do Nhà thầu chi trả. Hàng năm Nhà thầu phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ lại cho toàn bộ nhân viên này theo qui định của pháp luật.

-
- Kết quả khám sức khỏe (bản chính) của nhân viên Nhà thầu phải được gửi cho phòng y tế của NCSP kiểm tra và chấp thuận trước khi vào làm việc.
 - Nhà thầu phải trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho tất cả các nhân viên làm việc tại NCSP bao gồm kính, mũ, áo quần, dày, ủng và các BHLĐ đặc thù cho công việc. Tuân thủ qui định về mặc đồng phục theo yêu cầu của NCSP và sẽ được tư vấn bởi bộ phận an toàn và bộ phận hành chính.
 - Giám sát Nhà thầu là đầu mối liên lạc tất cả các vấn đề liên quan đến AT-SK-MT & AN (HSSE) và chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát các nhân viên khác thực hiện công việc theo Hợp đồng và đảm bảo an toàn tại Nhà máy.
 - NCSP sẽ cung cấp bữa ăn trưa, nước uống miễn phí cho tất cả nhân viên Nhà thầu làm việc tại Nhà máy NCSP.
 - Nhà thầu sẽ cung cấp các khóa đào tạo cần thiết khác theo quy định của pháp luật.
 - NCSP sẽ cung cấp các khóa đào tạo cần thiết cho nhân viên Nhà thầu:
 - Giới thiệu và hướng dẫn an toàn cho toàn bộ nhân viên trước khi bắt đầu thực hiện công việc của Hợp đồng
 - Khóa học về STOP và các khóa học/hướng dẫn cần thiết khác theo quy định nội bộ của NCSP

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN DỊCH VỤ

Thời gian thực hiện dịch vụ bắt đầu dự kiến từ ngày 1 tháng 9 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2026.



Phụ lục 1: DỊCH VỤ VỆ SINH VĂN PHÒNG

Dịch vụ vệ sinh văn phòng dưới đây mang tính tạm tính, được thống kê qua hơn 16 năm hoạt động. NCSP có quyền yêu cầu nhân viên NHÀ THẦU thực hiện các công việc bổ sung so với các công việc liệt kê dưới đây.

Stt	Vị trí	Hạng mục	Công việc	Tần suất	Ghi chú
1	Tòa nhà Hành chính (Khoảng 2000m ²)	Nhà vệ sinh nam	Vệ sinh, tẩy rửa 5 toilet	2 lần/ngày	
			Vệ sinh, tẩy rửa 4 bồn tiểu	2 lần/ngày	
			Vệ sinh, tẩy rửa 6 bồn rửa tay	2 lần/ngày	
			Lau sàn nhà và tường	2 lần/ngày	
		Nhà vệ sinh nữ	Vệ sinh, tẩy rửa 4 toilet	2 lần/ngày	
			Vệ sinh, tẩy rửa 4 bồn rửa tay	2 lần/ngày	
			Lau sàn nhà	2 lần/ngày	
		Văn phòng	Đổ rác	1 lần/ngày	
			Quét và lau sàn nhà	1 lần/ngày	
			Lau bàn ghế, kệ tài liệu	1 lần/ngày	
			Khử mùi	1 lần/ngày	
			Dọn rửa sạch sẽ và sắp xếp đồ uống gọn gàng tại phòng trà	2 lần/ngày	
			Hút bụi 3 phòng họp (khoảng 126m ²)	Hàng tuần	
			Lau chùi 42 cửa và cửa sổ kính	Hàng tuần	
Hành lang	Tưới nước cho các chậu cây xanh trong văn phòng (khoảng 30 chậu)	3 lần/tuần			
	Quét và lau sàn	1 lần/ngày			
		Quét bụi và mạng nhện trên trần nhà	Hàng tuần		
2	Phòng y tế (khoảng 70m ²)	Khu vực chung bên ngoài	Đổ rác	1 lần/ngày	
			Lau, quét sàn nhà	1 lần/ngày	
			Lau bàn ghế, kệ tài liệu	1 lần/ngày	
			Khử mùi	1 lần/ngày	
			Lau chùi 2 cửa, cửa sổ	Hàng tuần	
			Thay chăn, mền, draft giường, vỏ gối, khăn tắm	1 lần/tuần	
		Nhà vệ sinh	Vệ sinh, tẩy rửa 3 bồn rửa tay, 1 toilet, 1 bồn rửa trong phòng nằm bệnh nhân	2 lần/ngày	
3	Phòng điều khiển (khoảng 376m ²) 7 ngày/tuần	Khu vực bên ngoài	Đổ rác	1 lần/ngày	
			Quét, lau sàn nhà	1 lần/ngày	
			Lau bàn ghế, kệ, tủ tài liệu	1 lần/ngày	
			Khử mùi	1 lần/ngày	
			Hút bụi hàng tuần (khoảng 160m ²)	Hàng tuần	
		Nhà vệ sinh	Vệ sinh, tẩy rửa 2 bồn rửa tay, 1 bồn tiểu, 1 toilet	2 lần/ngày	
4	Khu vực Nhà Kho Khoảng 15m ²	Khu vực văn phòng	Đổ rác	1 lần/ngày	
			Lau sàn nhà	1 lần/ngày	
			Lau bàn ghế, tủ, kệ tài liệu	1 lần/ngày	
			Lau sàn, dọn dẹp phòng trà	2 lần/ngày	
			Khử mùi	1 lần/ngày	
		Nhà vệ sinh	Vệ sinh, tẩy rửa 1 toilet	2 lần/ngày	
5	Khu vực xưởng bảo trì 7 ngày/tuần Khoảng 144m ²)	Văn phòng	Đổ rác, thu gom rác đúng nơi quy định	1 lần/ngày	
			Quét sàn nhà	1 lần/ngày	
			Rửa sàn nhà khi có yêu cầu		
			Dọn dẹp văn phòng	2 lần/ngày	
			Lau cửa, cửa kính	Hàng tuần	
		Nhà vệ sinh	Vệ sinh, tẩy rửa 2 bồn tiểu, 2 toilet, 2 bồn rửa tay	2 lần/ngày	

Stt	Vị trí	Hạng mục	Công việc	Tần suất	Ghi chú
6	Khu vực nhà ở của Trường ca (khoảng 100m ²) 7 ngày/tuần	Khu vực chung	Bao gồm 4 phòng ngủ, 1 phòng khách, khu vực tập thể thao, 1 khu vực bếp nhỏ		
			Đổ rác	1 lần/ngày	
			Quét/lau sàn nhà	1 lần/ngày	
			Lau bàn ghế, kệ tài liệu	1 lần/ngày	
			Khử mùi	1 lần/ngày	
		Hút bụi	Hàng tuần		
Toilet và phòng tắm	Chùi rửa bằng hóa chất và khử mùi 4 bồn rửa tay, 4 nhà vệ sinh, 4 phòng tắm	1 lần/ngày			
Phòng ngủ	Dọn dẹp vệ sinh phòng ngủ	1 lần/ngày			
		Thay chăn, mền, draft giường, vỏ gối, khăn tắm...	1 lần/ngày		
7	Phòng lái xe (khoảng 25m ²)	Khu vực chung	Thay giỏ rác	1 lần/ngày	
			Quét & lau sàn nhà	1 lần/ngày	
			Lau bụi bàn, ghế tủ...	1 lần/ngày	
		Nhà vệ sinh	Khử mùi	1 lần/ngày	
		Lau chùi bằng hóa chất và khử mùi 2 bồn rửa tay, bồn tiêu, nhà tắm và nhà vệ sinh	2 lần/ngày		
8	Nhà bảo vệ cổng chính và cổng phụ (Khoảng 2 x 20m ²)	Khu vực chung	Thay giỏ rác	1 lần/ngày	
			Quét và lau sàn nhà	1 lần/ngày	
			Lau bụi bàn, ghế, tủ...	1 lần/ngày	
		Nhà vệ sinh	Khử mùi	1 lần/ngày	
		Lau chùi bằng hóa chất và khử mùi 2 bồn rửa tay, 2 nhà vệ sinh	2 lần/ngày		
9	Phòng thay đồ (Khoảng 80m ²)	Tủ khóa	Lau bụi khoảng 100 tủ khóa	Hàng tháng	
		Nhà vệ sinh nam	Lau chùi hóa chất và khử mùi 6 bồn rửa tay, 4 bồn tiêu, 6 nhà vệ sinh và 4 phòng tắm	2 lần/ngày	
		Nhà vệ sinh nữ	Lau chùi hóa chất và khử mùi 4 bồn rửa tay, 4 nhà vệ sinh và 2 phòng tắm	2 lần/ngày	
			Thường xuyên kiểm tra xà phòng tắm, gội & khăn tắm	1 lần/ngày	
10	Nhà bếp & nhà ăn (Khoảng 324m ²)		Lau chùi sàn bằng máy lau sàn	Hàng tuần	
			Lau chùi cửa & cửa sổ	Hàng tuần	
11	Nhà kho MCD (khoảng 1.000 m ²)		Vệ sinh và quét màng nhện	Hàng Quý	

Phụ lục 2 –YÊU CẦU DỊCH VỤ

Tương tự như Phụ lục 1 trên, các công việc sau đây mang tính thống kê, ước tính. NCSP có quyền yêu cầu nhân viên NHÀ THẦU thực hiện các công việc bổ sung.

1. Dịch vụ làm vườn

Các khu vực thực hiện dịch vụ:

- * Nhà máy Xử lý Khí Nam Côn Sơn khoảng 63ha, bao gồm: Khu vực xung quanh tòa nhà Hành Chính, khu vực nhà kho cũ, khu lưu trữ tài liệu, khu sản xuất
- * Trạm Van Long Hải khoảng 500m²
- * Trạm Van Phú Mỹ khoảng 500m²
- * Trạm Van Hội Bài khoảng 100m²

Stt	Diễn giải	Công việc		Yêu cầu thực hiện	Tần suất	Ghi chú	
1	Chăm sóc vườn hoa cây cảnh, xung quanh tòa nhà Hành Chính	Cắt, tỉa	Cắt cỏ	Cao 2-4cm	Hàng tuần	Đối với cây xanh và cây ăn trái: kiểm tra thân cây và cắt tỉa cành cây hàng năm nhằm đảm bảo cây luôn trong tình trạng tốt và đảm bảo an toàn.	
			Cắt tỉa cành	Nhìn đẹp và ngăn nắp, tươm tất	Hàng tháng		
		Tưới cây, cỏ	Tưới cỏ xung quanh tòa nhà Hành chính	Tưới đủ lượng nước	2 ngày 1 lần		
			Tưới bông giấy và bàng Đài Loan 2 bên lề đường từ tòa nhà Hành chính ra cổng bảo vệ chính	Tưới đủ lượng nước	2 ngày/lần		
			Tưới Bàng lẵng 2 bên đường từ Tỉnh lộ 44 vào cổng bảo vệ chính	Tưới đủ lượng nước	2 ngày/lần		
Bón phân	Bón phân vi sinh cho cây & cỏ	Nếu cây ngả màu vàng	6 tháng	Phân bón do NCSP cung cấp			
2	Chăm sóc cây bên trong tòa nhà hành chính	Tưới nước	Tất cả các chậu kiếng	Tưới đủ lượng nước	Hàng ngày	Phân bón do NCSP cung cấp	
		Cắt tỉa và đổi chậu kiếng		Cắt tỉa và luân phiên thay đổi chậu từ trong nhà ra ngoài	2 tháng		
		Bón phân	Bón phân vi sinh cho cây kiếng	Tất cả	3 tháng		

Stt	Diễn giải	Công việc	Yêu cầu thực hiện	Tần suất	Ghi chú
3	Vệ sinh đường mương thoát nước	Vệ sinh hệ thống mương rãnh thoát nước xung quanh tòa nhà hành chính	sạch sẽ, không có đá, sỏi hoặc cỏ dưới mương	Hàng tháng	
4	Cất & nhổ cỏ	Cất & nhổ cỏ xung quanh khu vực hành chính	Cất cao 2-7 cm & nhổ hết cỏ dại	Hàng tuần	
		Cất và nhổ cỏ trong khu vực sản xuất	Cất cao 2-7 cm & nhổ hết cỏ dại	Hàng tháng	
		Khu vực nhà kho cũ (MCD)	Cất cao 5-15 cm	Hàng quý	
		Trạm van Long Hải, Phú Mỹ, Tân Hòa	Cất cao 5-15 cm	Hàng tháng	
5	Xịt thuốc diệt cỏ	Xịt dây leo hàng rào	Không day leo	Hàng tháng	
		Cỏ trong khu vực sản xuất, xung quanh tòa nhà Hành Chính		1 lần / 2 tháng	Thuốc diệt cỏ do NCSP cung cấp
		Dây leo và cỏ ở trạm van Long Hải, Phú Mỹ & Hội Bài		1 lần / 2 tháng	
6	Khác	Sơn, sửa văn phòng,...			Khi có yêu cầu

2. Dịch vụ duy tu bảo trì văn phòng

Stt	Công việc	Hạng mục	Yêu cầu thực hiện	Tần suất	Ghi chú
1	Sửa chữa	Ồ khóa	Tuân thủ yêu cầu về an toàn, sức khỏe & môi trường và tuân theo hệ thống kiểm soát công việc của NCSP	Khi có yêu cầu	
		Rèm cửa			
		Xe đạp			
		Bảng			
		Trang thiết bị bàn, ghế, kệ, tủ...			
		Máy nước nóng lạnh			
		Chìa khóa			
		Nhà vệ sinh			
		Dụng cụ nhà bếp			

Stt	Công việc	Hạng mục	Yêu cầu thực hiện	Tần suất	Ghi chú
		Khác			
2	Thay thế	Đèn nê ong			
		Đèn ống			
3	Kiểm tra	Tất cả cá thiết bị điện trước khi đưa vào sử dụng trong Tòa nhà hành chính			





SITE INSTRUCTION - NCSP TERMINAL AND PIPELINES, VIETNAM

OMS Element 2.5 Working with Contractors

ISO 14001:2015 and ISO 45001:2018 Clause 8.1: Operation Planning and Control

**YÊU CẦU VỀ AN TOÀN – SỨC KHỎE –
MÔI TRƯỜNG VÀ AN NINH ĐỐI VỚI
NHÀ THẦU CỦA NCSP**

HỒ SƠ SỐ	HIỆU LỰC	NGƯỜI PHỤ TRÁCH	PHÊ DUYỆT
HSE-3000-MP-0044	2 năm	Trưởng nhóm PSM	Giám đốc công ty

7	12/2022	Sửa theo góp ý của phòng PSCM & thay đổi của pháp luật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
6	12/2021	Cập nhật theo kết luận thanh tra & thay đổi của pháp luật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn Dương Đình Nam	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
5	03/2019	Cập nhật phụ lục 4A & 4B, thay một số thông tư, nghị định	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
4	04/2018	Cập nhật theo NĐ44/2016/NĐ-CP	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
3.1	03/2018	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
3	10/2016	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
2.1	26/08/15	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
2	09/06/15	Kết hợp bản dịch tiếng Anh	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
1	25/03/14	Xét duyệt lần đầu	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
A	05/03/14	Bản thảo		Lưu Văn Sơn	-	-
Rev.	NGÀY	CHI TIẾT	PHỎ BIÊN	BIÊN SOẠN	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT

MỤC LỤC

1. ĐỊNH NGHĨA	4
2. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU	4
3. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM	5
3.1 VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU	5
3.2 VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN NCSP	5
4. YÊU CẦU CHUNG	5
4.1 YÊU CẦU VỀ AN TOÀN	5
4.2 YÊU CẦU VỀ SỨC KHỎE	6
4.3 YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	7
4.4 YÊU CẦU VỀ PHÒNG CHỐNG CHÁY, NỔ	7
4.5 YÊU CẦU VỀ AN NINH	8
5. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÀM VIỆC	8
5.1 LÀM VIỆC TRÊN CAO	8
5.2 LÀM VIỆC TRONG KHÔNG GIAN HẠN CHẾ	9
5.3 CÔNG VIỆC SINH RA NGỌN LỬA TRẦN	9
5.4 CÔNG VIỆC ĐÀO BÓI	9
6. YÊU CẦU VỀ VẬT TƯ, THIẾT BỊ	10
6.1 YÊU CẦU CỦA THIẾT BỊ ĐIỆN	10
6.1.1 CÁC YÊU CẦU CHUNG	10
6.1.2 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ ĐIỆN CẦM TAY SỬ DỤNG NGUỒN PIN HOẶC ẮC QUY	10
6.1.3 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ SỬ DỤNG NGUỒN ĐIỆN CỦA NCSP	10
6.2 MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC	12
6.2.1 YÊU CẦU VỀ MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	12
6.3 NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ VÀ MÁY MÓC NÂNG, HẠ TẢI	13
6.4 SỬ DỤNG GIÀN GIÁO CÔNG NGHIỆP VÀ THANG	13
6.5 PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG CƠ GIỚI	14
6.6 YÊU CẦU AN TOÀN VỚI HÓA CHẤT, VẬT TƯ ĐỘC HẠI	16
7. CÁC QUI TRÌNH BỒ TRỢ & PHỤ LỤC ĐI KÈM	

1. ĐỊNH NGHĨA

NCSP: Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn

HSSE: An toàn – Sức khỏe – Môi trường & An ninh.

Công trường của NCSP: Bao gồm Nhà máy xử lý khí NCS, trạm van Long Hải, trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ, văn phòng TP.HCM, các tuyến đường ống ngoài khơi và trên bờ.

Người đại diện của NCSP/Người bảo lãnh: Trong phạm vi tài liệu này, nhân sự của NCSP được chỉ định làm việc với nhà thầu trong mỗi hợp đồng dịch vụ, người dùng cuối hay một người khác, có được coi là đầu mối liên hệ giữa NCSP và nhà thầu hay không.

Người sử dụng Nhà thầu: Trong ngữ cảnh của tài liệu này, là nhân viên NCSP được phân công làm việc với Nhà thầu thực hiện từng hợp đồng cụ thể tại Công trường của NCSP.

Khách: Là người đến NCSP để gặp gỡ, học hỏi hoặc mục đích thăm quan khác. Khách thăm quan bên ngoài khu vực sản xuất hoặc trạm van phải được sự chấp thuận của Giám sát sản xuất, thăm quan trong khu sản xuất phải được sự chấp thuận của Quản lý vận hành, ngoại trừ các nhân viên khảo sát được đề cập dưới đây. Nhân viên của NCSP phải hộ tống họ trong suốt thời gian thăm quan, khảo sát.

Người khảo sát: Trong quy trình này, mọi người đến các khu vực công trường của NCSP để lấy thông tin chuẩn bị đề xuất giá thầu, đo đạc phục vụ công tác chế tạo và một số vấn đề khác theo yêu cầu của NCSP.

Contractor: Là người đến các công trường của NCSP để làm việc theo hợp đồng dịch vụ đã được ký kết

Bên thứ ba: Người thực hiện nhiệm vụ của mình cho chủ sở hữu khác bên trong công trường của NCSP như EVN, KĐN, KVT, ĐNB, v.v.

Nhà thầu dài hạn: Là nhà thầu được thuê thông qua hợp đồng trên 12 tháng để làm việc tại các cơ sở của NCSP hoặc công trường của NCSP.

Nhà thầu ngắn hạn: Là nhà thầu được thuê thông qua hợp đồng bằng hoặc dưới 12 tháng để làm việc tại các cơ sở của NCSP hoặc công trường của NCSP

Quy định của NCSP: Bao gồm các yêu cầu trong tài liệu này, và không giới hạn trong các thủ tục khác có liên quan của NCSP.

2. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

NCSP thiết lập bộ các qui định và yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh đối với Nhà thầu hướng tới mục tiêu “**Không tai nạn – Không gây hại cho con người – Không làm tổn hại môi trường**” khi làm việc trên Công trường của NCSP.

Tài liệu này mô tả các yêu cầu cơ bản và cụ thể về kiến thức, kỹ năng và bằng cấp của nhân lực để có thể được cho phép thực hiện trên từng loại thiết bị khác nhau cũng như các yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị để có thể được cho phép sử dụng trong Công Trường thuộc các Cơ Sở của NCSP. Tài liệu này nhằm các mục đích sau:



- Giúp Nhà thầu hiểu rõ các yêu cầu cơ bản về nhân lực, thiết bị của Nhà thầu nhằm tuân thủ các tiêu chuẩn, yêu cầu của NCSP trước khi tham gia chào thầu cũng như việc thực hiện hợp đồng sau này.
- Giúp các bộ phận chức năng của NCSP thiết lập các yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh trong các hồ sơ mời thầu đồng thời làm cơ sở để đánh giá năng lực của Nhà thầu bao gồm việc tuân thủ pháp luật, quy định an toàn của NCSP, đảm bảo an toàn và hiệu quả, chất lượng công việc.
- Giúp bộ phận phụ trách giám sát công việc của NCSP phối hợp với Nhà thầu đạt hiệu quả cao trong việc phối hợp với Nhà thầu cả về tiến độ lẫn chất lượng công trình qua việc lập tiến độ sát với thực tế và công tác chuẩn bị nhân lực, máy móc, vật tư, thiết bị tốt hơn.
- Giúp Nhà thầu xác định đúng yêu cầu công việc tránh lãng phí thời gian và phối hợp quản lý an toàn thi công đạt hiệu quả cao hơn cho cả Nhà thầu và NCSP.

3. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM

3.1 Vai trò và trách nhiệm của Nhà thầu

- Đọc và hiểu rõ những quy định và yêu cầu trong bộ tài liệu này, phổ biến chi tiết cho tất cả Nhân viên/Giám sát/Công nhân thực hiện các công việc, dịch vụ trong NCSP.
- Phối hợp chặt chẽ với người đại diện NCSP trong việc quản lý, giám sát chất lượng, tiến độ công việc và đảm bảo các quy định và yêu cầu này được tuân thủ.
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về con người, môi trường, vật tư, thiết bị và tài sản bị tổn hại do Nhân viên Nhà thầu không tuân thủ các quy định và yêu cầu này.

3.2 Vai trò và trách nhiệm của Người đại diện NCSP

- Cùng khảo sát hiện trường với Nhà thầu và cung cấp các hồ sơ, bản vẽ liên quan, là cầu nối giữa Nhà thầu và các Bộ phận liên quan của NCSP.
- Giới thiệu và hướng dẫn Nhà thầu trong việc hiểu rõ và đầy đủ các quy định và yêu cầu trong tài liệu này trước khi tiến hành công việc tại Công trường của NCSP.
- Hỗ trợ Nhà thầu trong việc đào tạo an toàn,
- Hỗ trợ cô lập nguồn năng lượng, xin giấy phép để thực hiện công việc.
- Hỗ trợ giám sát công việc tại công trường.
- Hỗ trợ và hướng dẫn Nhà thầu khi có vấn đề phát sinh theo đúng các quy trình và thủ tục của NCSP.

4. YÊU CẦU CHUNG

4.1 Yêu cầu về an toàn

- Nhà thầu phải đảm bảo: Tất cả nhân viên được Nhà thầu phân công đến làm việc tại các cơ sở của NCSP có hợp đồng lao động và được đóng đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc theo luật định.



- Nhân viên Nhà thầu phải được huấn luyện An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) phù hợp với công việc theo yêu cầu tại điều 17 của *Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ban hành 15/05/2016 và Nghị định 140/2018/NĐ-CP. Cung cấp chứng chỉ liên quan áp dụng cho nhóm 3; nhóm 4 hoặc nhóm 5 trước khi làm việc tại NCSP (Điều khoản này không áp dụng với chuyên gia nước ngoài)*
- Nhân viên Nhà thầu phải có đầy đủ các văn bằng/ chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc và xuất trình cho NCSP.
- Nhà thầu lập danh sách Nhân viên/ Công nhân sẽ tham gia cho công việc (**Bảng 1**) gửi cho Phòng an toàn NCSP để sắp xếp thời gian học an toàn, chụp hình và cấp thẻ an toàn hoặc thẻ tạm cho ngày đầu tiên
- Nhà thầu lập danh sách máy móc, thiết bị (**Bảng 2**) trước khi di chuyển máy móc, thiết bị đến công trường NCSP và gửi cho Người sử dụng Nhà thầu để có kế hoạch hỗ trợ kiểm tra.

Ghi chú: Đối với công việc có rủi ro cao (sử dụng dụng cụ/ thiết bị áp lực cao, lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, làm việc trong không gian hạn chế, làm việc ở độ cao trên 50m ...v.v), nhân viên nhà thầu cần được huấn luyện an toàn chuyên sâu

- Tất cả nhân viên Nhà thầu phải được trang bị và sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động (BHLĐ) tối thiểu theo TCVN: Quần áo bảo hộ: TCVN 6689-2000; Giày/ Ủng bảo hộ: TCVN 7653-2007; Nón bảo hộ: TCVN 6407-1998 and Kính bảo hộ: TCVN 5082-1990 khi thực hiện công việc tại các công trình của NCSP. Ngoài ra tùy đặc thù của từng công việc có rủi ro cao cụ thể mà phải được trang bị thêm các trang thiết bị bảo hộ lao động tương ứng theo tiêu chuẩn BHLĐ của NCSP (Xem chi tiết các qui định đối với từng công việc cụ thể bên dưới hoặc trong bản đánh giá rủi ro của từng công việc)
- Công việc chỉ được tiến hành khi có giấy phép làm việc được cấp bởi NCSP và chỉ thực hiện nội dung công việc đã được duyệt trong giấy phép.
- Khi nghỉ giải lao yêu cầu tất cả công nhân ra khỏi khu vực thi công đến khu vực nghỉ giải lao được qui định.
- Ngừng ngay công việc và báo lại cho người giám sát trong trường hợp thời tiết xấu (mưa, giông, sấm sét...) hoặc có những thay đổi trong phương án thi công hay mối nguy hiểm mới phát sinh.
- Khi tạm ngừng hoặc kết thúc ca làm việc phải:
 - ✓ Kiểm tra và tắt toàn bộ máy móc, thiết bị.
 - ✓ Dụng cụ và vật tư sắp xếp gọn gàng, đúng nơi qui định.
 - ✓ Luôn giữ gìn thông thoáng lối đi, cầu thang, cửa thoát hiểm.

4.2 Yêu cầu về sức khỏe

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về sức khỏe của tất cả nhân viên của mình trước khi cử họ đến địa điểm của NCSP để thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.



Nhà thầu phải xuất trình giấy khám sức khỏe cho NCSP hoặc cơ quan chức năng khi được yêu cầu (*tham khảo Thông tư 14/2013/TT-BYT*)

- Đối với những nhân viên làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về sức khỏe (*Làm việc trong môi trường phóng xạ, ở độ cao lớn hơn 50m, làm việc trong không gian hạn chế vv...*), Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra sức khỏe chuyên biệt theo yêu cầu công việc cho nhân viên này tại những cơ sở phù hợp được nhà nước cho phép và gửi kết quả đến NCSP trước khi tiến hành công việc (*tham khảo Quyết định 1613_BYT-QĐ_Tiêu chuẩn phân loại sức khỏe khám bệnh, khám định kỳ*)

Chính sách kiểm soát chất có cặn và chất gây nghiện

- NCSP nghiêm cấm việc tàng trữ, sử dụng, bán hoặc phân phối các chất có cặn, thuốc kích thích, chất gây nghiện tại nơi làm việc
- Không có nồng độ cặn (không có mùi rượu, bia) áp dụng cho tất cả nhân viên làm việc tại Công trường NCSP.

4.3 Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Nếu đã được phân định trách nhiệm trong hợp đồng, Nhà thầu phải đảm bảo chất thải do công việc của Nhà thầu sinh ra được thu gom, vận chuyển ra khỏi công trường và xử lý theo qui định của pháp luật và phải thông qua Phòng AT-SK-MT-AN của NCSP trước khi xử lý.
- Tất cả mọi người đều phải có trách nhiệm giữ gìn nơi làm việc và những vùng phụ cận sạch sẽ, ngăn nắp, vệ sinh nơi làm việc vào cuối ngày. Trường hợp không rõ cách phân loại chất thải thì phải hỏi Giám sát của NCSP.

4.4 Yêu cầu về phòng chống cháy, nổ

Tất cả nhân viên được Nhà thầu phân công đến làm việc tại các cơ sở của NCSP phải được huấn luyện kiến thức và kỹ năng sử dụng các thiết bị, dụng cụ PCCC cơ bản. Đối với công việc trong khu sản xuất của Nhà máy, trạm van Long Hải và trạm phân phối khí Phú Mỹ tất cả nhân viên Nhà thầu phải có chứng chỉ PCCC do cơ quan Cảnh sát PCCC cấp quận/ huyện trở lên cấp (*Tham khảo Nghị định 136/2020/NĐ-CP_điều 33, khoản (d)*)

Ngoại trừ: Tham khảo công văn 187/C66-P3_Hướng dẫn thực hiện qui định pháp luật trong lĩnh vực PCCC_ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2016

- Người thực hiện các công việc nguy hiểm không sinh lửa, sinh nhiệt, không tiếp xúc với môi chất nguy hiểm cháy nổ.
- Người thực hiện công việc đơn giản như cắt cỏ, tưới cây, giao hàng, vệ sinh lao động, thợ xây, lắp đặt giàn giáo, đo đạc quan trắc môi trường, đo kiểm tra môi trường lao động và không tiếp xúc với các môi chất nguy hiểm về cháy nổ.
- Các chuyên gia nước ngoài, cán bộ quản lý cơ quan chức năng, khách đến thăm quan và các đối tượng khác đến làm việc, liên hệ công tác.



- Các chuyên gia nước ngoài tham gia làm việc trong bảo dưỡng lớn (TAR), các chuyên gia làm việc theo yêu cầu của dự án/ hợp đồng ký kết với NCSP.
- Công việc trên Hành Lang Tuyến Ống (HALT) không có lửa trần hoặc phát nhiệt không quá 200°C hoặc không mở thiết bị, đường ống có chứa chất cháy.

4.5 Yêu cầu về an ninh

- Giám đốc Nhà thầu phải chịu trách nhiệm và bảo đảm rằng các nhân viên được gửi đến công trường của NCSP phải có nhân thân tốt đặc biệt là đối với các nhân viên Nhà thầu thường xuyên làm việc trong khu sản xuất bào gồm cả Nhà thầu dài hạn và Nhà thầu ngắn hạn
- Thẻ an toàn của nhân viên Nhà thầu ngắn hạn có giá trị trong vòng 1 tháng; Thẻ an toàn của nhân viên Nhà thầu dài hạn có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp. 5 ngày trước khi thẻ hết hạn Người sử dụng Nhà thầu phải gửi yêu cầu gia hạn thẻ cho Cố vấn an ninh, an toàn.
- Tất cả nhân viên Nhà thầu nhận thẻ an toàn tại cổng chính nhà máy khi đến làm việc và trả lại thẻ khi hết giờ làm. Mọi người phải luôn đeo thẻ an toàn, trong trường hợp làm mất thẻ phải báo ngay cho người đại diện NCSP để được hướng dẫn làm bằng tương trình và cấp thẻ làm việc mới.
- Tất cả các loại vật tư, thiết bị, dụng cụ phải được khai báo tại cổng chính Nhà máy và phải có Giấy phép vật tư ra/vào cổng và bản kê khai hàng hóa đi kèm.

5. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÀM VIỆC

Tất cả các công việc thực hiện trong Công trường của NCSP đều phải được kiểm soát thông qua hệ thống quản lý an toàn công việc (Work Control System OPS-3000-MP-1014). Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ hệ thống quản lý này

Việc cấp phép làm việc được thực hiện thông qua qui trình cấp giấy phép làm việc (Permit to Work), Giấy phép làm việc phải được chuẩn bị và được xem xét trước khi công việc tiến hành 1 ngày

Nhằm cung cấp cho Nhà thầu hiểu biết các yêu cầu cơ bản về hệ thống quản lý an toàn công việc nêu trên, sau đây là một số nội dung cơ bản. Nhà thầu có trách nhiệm đọc kỹ và hiểu các nội dung cơ bản này. Việc hiểu những nội dung cơ bản này không có nghĩa là Nhà thầu đã hiểu toàn bộ các quy định về quản lý an toàn của NCSP:

5.1 Làm việc trên cao

Tất cả các công việc liên quan đến làm việc ở độ cao trên 2 mét so với mặt đất/sàn làm việc mà không có thiết kế bảo vệ tiêu chuẩn được xác định là làm việc trên cao và chỉ được phép thực hiện khi

- Sử dụng giàn giáo, sàn thao tác hoặc thang theo đúng yêu cầu an toàn, kỹ thuật được mô tả ở mục (6.4)
- Sử dụng thiết bị chống rơi bao gồm:



- ✓ Móc treo tại vị trí thuận tiện, tốt nhất là cao hơn đầu người
- ✓ Dây đeo toàn thân có khóa then kẹp tự động, dụng cụ giảm sóc.
- ✓ Thiết bị chống rơi phải đảm bảo không để rơi tự do quá 2 mét.
- Đối với công việc làm ở độ cao trên 50m
 - ✓ Nhà thầu phải cung cấp giấy khám sức khỏe của nhân viên cho phòng y tế NCSP ít nhất 3 ngày trước khi tiến hành công việc (giấy khám sức khỏe có kết quả trong vòng 6 tháng trở lại)
 - ✓ Phòng y tế NCSP sẽ tiến hành kiểm tra thực tế một số hạng mục theo yêu cầu về sức khỏe đối với công việc đặc biệt này.

5.2 Làm việc trong không gian hạn chế

- Công việc trong không gian hạn chế phải được tiến hành đánh giá rủi ro với sự hỗ trợ và phê duyệt của NCSP.
- Người làm việc trong không gian hạn chế phải
 - ✓ Được đào tạo và cấp chứng chỉ bởi cơ quan có chức năng theo luật định.
 - ✓ Phải có giấy khám sức khỏe phù hợp và được kiểm tra xác nhận của phòng y tế NCSP.
 - ✓ Phải được đào tạo về sử dụng thiết bị thở cá nhân (SCBA) và bộ khí thở có dây nối dài (BA airline) nếu công việc yêu cầu.
 - ✓ BA airline nên được sử dụng để vào không gian hạn chế cho những người làm việc trong thời gian dài hoặc những nơi chật hẹp.

5.3 Công việc sinh ra ngọn lửa trần

- Không sử dụng bình khí acetylene (Gió đá) trong công tác hàn, cắt. Chỉ được phép sử dụng bình khí Propane hoặc Gas (LPG).
- Tại một thời điểm, chỉ cho phép một công việc sinh ra ngọn lửa trần, ngoại trừ trường hợp công việc phát sinh tia lửa trần được tiến hành trong buồng có áp suất dương (habitat).
- Thường xuyên có người giám sát tại nơi làm việc.
- Trang bị đầy đủ BHLĐ cho công việc hàn, cắt (mặt nạ hàn, kính hàn, găng tay chịu nhiệt...vv).
- Công việc sinh ra ngọn lửa trần phải được tiến hành hợp đánh giá rủi ro với sự hỗ trợ và phê duyệt của NCSP.

5.4 Công việc đào bới

- Tuân thủ nghiêm ngặt Hệ thống quản lý an toàn công việc của NCSP (OPS-3000-MP-1014) tại Phụ lục C: Quy trình và Hướng dẫn cho công việc đào bới và phụ lục 1: Danh Sách Kiểm Tra Các Mối Nguy Cho Công Việc Đào Bới phải được hoàn thành và đính kèm trong Giấy phép làm việc.
- Công việc đào bới, khoan cắt sâu hơn 0,15m so với mặt đất cần phải có chứng chỉ đào bới "Excavation Certificate" do người có thẩm quyền của NCSP cấp.



- Phải kiểm soát sự dịch chuyển của các lớp đất đá, tránh sụt đất bằng các biện pháp chống đỡ, kê bờ, làm dốc theo qui định.
- QCVN 34:2018/BLĐTBXH phải được xem xét và áp dụng cho các công việc đào bới để kiểm soát an toàn khi khu vực làm việc có khả năng trở thành không gian hạn chế.

6. YÊU CẦU VỀ VẬT TƯ, THIẾT BỊ

6.1 Yêu cầu của thiết bị điện

6.1.1 Các yêu cầu chung

- Tất cả các thiết bị điện phải được kiểm tra và dán tem đạt yêu cầu bởi nhân viên có chuyên môn điện của NCS trước khi sử dụng và tem có hiệu lực trong vòng **7 ngày**. Khi hết hạn, thiết bị phải được kiểm tra lại và dán tem mới
- Người thực hiện sửa chữa bảo trì các thiết bị điện phải được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn phù hợp.
- Nhân viên vận hành thiết bị điện cao thế (>1000V) phải có chứng chỉ hợp lệ do đơn vị có chức năng và thẩm quyền cấp.
- Khi tiến hành kiểm tra hoặc bảo dưỡng, vận hành thiết bị điện cao thế phải trang bị thêm các trang thiết bị BHLĐ như: Gậy móc cứu hộ, thảm cách điện, găng tay cách điện, ủng cách điện các trang thiết bị này phải có tem kiểm định hợp lệ.
- Đối với máy phát điện và các tủ phân phối nguồn điện phải có thiết bị bảo vệ quá dòng, quá áp và chống dòng rò (CB chống giật)

6.1.2 Các yêu cầu đối với thiết bị điện cầm tay sử dụng nguồn Pin hoặc Ắc quy

- Hộp chứa Pin/Ắc quy phải có nắp che kín và cố định vào các điện cực chắc chắn
- Đối với bình Ắc quy: Tại các điểm nối vào điện cực phải được cố định bằng Bu-lông chắc chắn.
- Dây dẫn nguồn phải đạt cấp điện áp phù hợp và có lớp vỏ cách điện không bị hư hỏng, chấp nối.


6.1.3 Các yêu cầu đối với thiết bị sử dụng nguồn điện của NCSP

a) Ổ cắm và phích cắm

- Khi sử dụng nguồn điện trong các tòa nhà phải dùng phích cắm loại 3 chấu có dây nối đất theo tiêu chuẩn **BS1363** phù hợp nguồn 240V AC, 50hz, 13 Ampere.





- Khi sử dụng nguồn điện trong khu sản xuất phải dùng ổ cắm và phích cắm phù hợp tiêu chuẩn IEC/EN 60309-1/-2 (CEE), IEC/EN 60079-0, IEC/EN 60079-1 và IEC/EN 60079-7 đạt yêu cầu chống cháy nổ . Có 2 loại chính:
 - ✓ Sử dụng ổ cắm và phích cắm 3 chấu (2P+E) loại SolConeX 16 A Series SolConeX 8570 cho nguồn 240VAC, 50Hz, 16A (Hình: 1)
 - ✓ Sử dụng ổ cắm và phích cắm 5 chấu (3P+N+E) loại SolConeX, 63 A Series 8579 cho nguồn 415VAC, 50Hz, 63A (Hình: 2)



Hình: 1



Hình: 2

b) Dây dẫn nguồn:

- Dây dẫn nguồn của thiết bị phải có:



- ✓ Cáp và đầu cắm 3 chấu hoặc cáp và đầu cắm có 2 lớp cách điện (double insulation)
- ✓ Cáp có dòng tải danh định lớn hơn dòng tải của thiết bị và chiều dài dây không quá 15 mét.
- Dây dẫn từ nguồn cấp hiện hữu đến thiết bị cầm tay phải có:
 - ✓ Dòng tải danh định lớn hơn dòng tải của thiết bị
 - ✓ Dây có lớp giáp bảo vệ (steel wire amour hoặc wire braided).
 - ✓ Trường hợp dây không có lớp bảo vệ trên, phải sử dụng các biện pháp khác để bảo vệ chống va đập cơ khí như: dùng ống bảo vệ (conduit), chạy trong mương cáp tạm.
 - ✓ Nếu sử dụng trong khu vực sản xuất liên tục hơn 4 giờ hoặc vượt quá 80 % tải thiết kế thì phải sử dụng dây dẫn có đặc tính cháy chậm (HORF).

6.2 Máy móc và thiết bị áp lực

6.2.1 Yêu cầu về máy móc và thiết bị

- Các máy móc và thiết bị áp lực (máy nén khí, thiết bị nước cao áp, thiết bị thủy lực, thiết bị dùng khí nén, chai khí, bình áp lực, ống áp lực vv...) phải được kiểm tra bởi nhân viên chuyên trách của NCSP trước khi đưa vào khu vực thi công.
- Nhân viên Nhà thầu vận hành máy móc và thiết bị áp lực phải được huấn luyện và được cấp chứng chỉ bởi các đơn vị có chức năng theo luật định.
- Các bình áp lực, chai khí phải có kiểm định còn hiệu lực, có lắp van an toàn đã được kiểm định còn hiệu lực.
- Áp kế gắn trên bình áp lực phải được kiểm định theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống khí nén của nhà máy khí Dinh Cố có áp suất là 10barg các thiết bị khí nén của Nhà thầu phải có khả năng hoạt động ở áp suất này hoặc có lắp thiết bị giảm áp thích hợp.
- Các máy móc thiết bị khí nén nên có khớp nối nhanh kiểu Macdonald, khớp nối kiểu 4 vấu (Chân Quạ) có thể sử dụng với điều kiện chúng được khóa lại bằng dây thép hoặc chốt chẻ và khớp nối được bắt chắc chắn vào ống mềm bằng kẹp ống hoặc dùng phương pháp bấm. Không sử dụng kết nối bằng cổ-giê.
- Thiết bị an toàn chống vung (whip check) phải được sử dụng khi kết nối các ống mềm áp lực hoặc kết nối ống mềm vào các thiết bị áp lực khác.
- Các thiết bị sử dụng khí nén phải có cơ cấu dừng khẩn cấp khi có hỏng hóc hoặc sự cố.
- Các ống mềm phải được tiếp địa chống tĩnh điện.
- Các thiết bị bắn cát và phun sơn phải luôn luôn được tiếp địa trong quá trình sử dụng.
- Dây tiếp địa phải là loại dây đồng mềm hoặc cứng nhiều lõi có tiết diện 4mm² bọc nhựa PVC. Dây tiếp địa được bắt chặt vào thiết bị bằng bu lông và có đầu còn lại là kẹp (ví dụ kẹp cá sấu) để bắt vào hệ thống tiếp địa của NCSP



- Các máy móc và thiết bị áp lực sau khi lắp đặt, kết nối xong phải được thử kiểm tra áp lực toàn bộ hệ thống để đảm bảo không rò rỉ và không có hư hỏng trước khi sử dụng.

6.2.2 Yêu cầu về trang bị bảo hộ lao động

- Bắn cát làm sạch:
 - ✓ Mặt nạ thở: Trường hợp bắn cát trong buồng kín, khi sử dụng thiết bị bắn cát cầm tay không có buồng che kín hoặc khi người bắn cát không tách biệt khỏi vật liệu cát nhờ buồng che kín có hút khí thì phải dùng mặt nạ thở có ống cung cấp khí.
 - ✓ Găng tay là loại vải bạt, da hoặc bằng vật liệu Kevlar
 - ✓ Giáp bảo vệ thân (tạp dề).
 - ✓ Trang bị thêm mặt nạ lọc khí nếu bắn cát khô.
- Phun nước áp lực cao (680barg – 1700barg) và cực cao (trên 1700barg) sử dụng trong làm sạch bề mặt
 - ✓ Giáp bảo vệ thân và chân
 - ✓ Tấm chắn bảo vệ mặt
 - ✓ Găng tay vải bạt, da hoặc kevlar

Lưu ý: *Cấm dùng cát thạch anh trong bắn cát vì ảnh hưởng đến sức khỏe
Phải dùng loại súng bắn có 2 cò đạt chuẩn an toàn (Deadman Trigger)*

6.3 Những yêu cầu đối với thiết bị và máy móc nâng, hạ tải

- Đối với Nhân viên vận hành:
 - ✓ Phải được huấn luyện và có chứng chỉ còn thời hạn cho việc vận hành máy móc và thiết bị nâng hạ tải tương ứng.
 - ✓ Phải có chứng chỉ Nghiệp vụ kỹ thuật an toàn thiết bị nâng, hạ do Trung tâm kiểm định & huấn luyện an toàn lao động cấp.
- Đối với máy móc và thiết bị nâng, hạ
 - ✓ Phải có chứng chỉ kiểm định cần cầu/ thiết bị nâng hợp lệ, có tem kiểm định được dán trên buồng lái hoặc nơi chỉ định trong biên bản kiểm định.
 - ✓ Tất cả các thiết bị dùng cho công việc nâng hạ (palăng xích, cùm, dây, kẹp...vv) phải có chứng chỉ kiểm định và kiểm tra trực quan.
 - ✓ Phải được kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng bởi Nhân viên kỹ thuật của NCSP.

6.4 Sử dụng giàn giáo công nghiệp và thang

6.4.1 Sử dụng giàn giáo công nghiệp

- Tất cả các loại vật tư sử dụng để lắp đặt giàn giáo phải đạt chuẩn BS 1139 hoặc TCXDVN 296-2004.
- Giám sát và Nhân viên lắp đặt hay tháo dỡ, kiểm tra giàn giáo phải được huấn luyện và có chứng chỉ phù hợp còn hiệu lực theo tiêu chuẩn BS 5973 hoặc AS/NZS 4576:1995.



- Giàn giáo sau khi lắp đặt phải được kiểm định đạt chuẩn
- Hàng tuần phải kiểm tra định kỳ bởi người giám sát giàn giáo.
- Giàn giáo phải được treo thẻ an toàn và cho phép sử dụng như hình.



6.4.2 Sử dụng thang

- Chỉ được sử dụng thang chữ A, thang bậc (mobile Platform) có tem kiểm định còn hạn.
- Không được dùng thang tre, thang gỗ, thang tự chế, thang đã bị hỏng hoặc sửa chữa sơ sài, chắp vá.

6.5 Phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới

6.5.1 Các yêu cầu chung đối với xe và người lái xe.

- Xe phải có đầy đủ giấy đăng ký sử dụng xe, kiểm định và bảo hiểm còn hạn.
- Lái xe phải có bằng lái phù hợp với chủng loại xe và còn hiệu lực.
- Dây đai an toàn (seatbelt) phải được trang bị đầy đủ và được sử dụng cho tất cả mọi người trên xe.
- Tất cả các phương tiện đi vào Công trường của NCSP phải được kiểm tra bởi Bảo vệ.
- Các phương tiện vào khu sản xuất, trạm van Long Hải, trạm phân phối khí Phú Mỹ phải được gắn chụp ống xả dập lửa và kiểm tra thêm bởi kỹ thuật viên NCSP.
- Lái xe phải tuân thủ các qui định giới hạn tốc độ trong các cơ sở của NCS (Ngoài khu sản xuất tối đa 25Km/giờ; trong khu sản xuất là 15Km/giờ).
- Lái xe không được sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị liên lạc hai chiều khác trong khi điều khiển xe.
- Luôn tắt động cơ khi rời khỏi xe (để lại chìa khóa trong ổ nếu xe ở trong khu sản xuất).

6.5.2 Yêu cầu đối với xe chuyên chở hành khách

- Không được chở vượt quá số hành khách qui định của nhà sản xuất.
- Phải được bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Tất cả các bộ phận thiết yếu và cơ cấu an toàn phải được bảo hành và sửa chữa chính hãng bao gồm (*hệ thống lái, hệ thống phanh hãm, hệ thống cân bằng, hệ thống điều khiển điện tử*)

6.5.3 Yêu cầu đối với xe chuyên chở hàng hóa

- Phải được giữ nguyên thiết kế của nhà sản xuất, không nâng cấp, chỉnh sửa và hoán cải mục đích sử dụng (trừ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép).
- Hàng hóa trên xe phải được cố định chắc chắn, che chắn tránh ảnh hưởng của thời tiết và phù hợp các yêu cầu của luật giao thông đường bộ và hướng dẫn bảo quản của nhà sản xuất.
- Phải có khung bao bảo vệ phía sau và hai bên sườn xe chống thiệt hại do va chạm và tránh nguy hiểm cho các phương tiện khác cùng tham gia giao thông.
- Không được chở hàng quá khổ, quá tải.
- Phương tiện để vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị phải phù hợp với phương thức bốc dỡ tại Công trường của NCSP (thông thường là xe nâng)

6.5.4 Yêu cầu đối với xe cơ giới thi công

- Người lái xe phải có các chứng chỉ vận hành phù hợp với chủng loại xe được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nhà nước.
- Nếu có hoán cải chức năng, mục đích sử dụng thì phải có hồ sơ hoán cải và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền của nhà nước.
- Phải sử dụng phương tiện đúng theo mục đích thiết kế của nhà sản xuất.

6.5.5 Yêu cầu đối với xe chở rác thải tại NCSP

Rác thông thường

- Các phương tiện tiếp nhận chất thải thông thường phải tuân thủ các yêu cầu nêu tại mục 6.5.1 - Yêu cầu chung đối với phương tiện và người điều khiển.

Rác nguy hại

- Các phương tiện tiếp nhận chất thải nguy hại có thể ở dạng rắn, lỏng và bùn phải được ghi trong giấy phép xử lý của nhà thầu đủ năng lực. Các phương tiện này phải được đề cập trong giấy phép xử lý của nhà thầu đủ năng lực và được kiểm tra bởi Cố vấn HSSE của bộ phận môi trường trước khi chuyển chất thải nguy hại cho nhà thầu đủ năng lực.
- Khi phương tiện của nhà thầu xử lý đạt yêu cầu đến khu vực NCSP để tiếp nhận chất thải cũng phải tuân thủ các yêu cầu và biện pháp kiểm soát về an toàn, an ninh nêu trong giấy phép làm công việc này do Bộ phận kho lập và các yêu cầu quy định.

6.6 Yêu cầu an toàn với hóa chất, vật tư độc hại

6.6.1 Yêu cầu về an toàn lao động:

- Lái xe, nhân viên áp tải hàng nguy hiểm, hàng độc phải có chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ vận chuyển hóa chất nguy hiểm tương đương theo quy định tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP
- Phải có giấy chứng nhận đủ khả năng thực hiện công việc liên quan bức xạ và X-Quang do cơ quan có thẩm quyền cấp khi trực tiếp thực hiện công việc liên quan đến bức xạ hay X-Quang.
- Phải có chứng chỉ do Cục an toàn bức xạ và hạt nhân hoặc Bộ khoa học Công nghệ cấp khi trực tiếp thực hiện công việc liên quan đến phóng xạ, bức xạ.

6.6.2 Yêu cầu về vật tư, hóa chất độc hại

- Tất cả hóa chất sử dụng tại Công trường của NCSP phải có phiếu an toàn hóa chất (SDS – Safety Data Sheet) tương ứng kèm theo.



- Phiếu an toàn hóa chất (SDS) phải được gửi cho người phụ trách quản lý hóa chất của NCSP đánh giá rủi ro và phê duyệt trước khi mang vào công trường của NCSP.
- Chai, lọ, bình chứa hóa chất phải có nhãn mác rõ ràng và đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Thông tư 32/2017/TT-BCT.
- Hóa chất sử dụng không được nằm trong danh mục hóa chất cấm theo quy định của Nghị định 113/2017/NĐ-CP (Trong trường hợp công việc bắt buộc phải sử dụng thì phải có hồ sơ, bằng chứng được sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền Nhà nước cho phép sử dụng hóa chất cấm)
- Vật tư độc hại (chất phóng xạ) phải được khai báo và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo hướng dẫn trong Thông tư 02/2022/TT-BKHCHN (*dành cho tham khảo*)
- Khi sử dụng hóa chất phải trang bị đầy đủ vật liệu thấm hút, chống chảy tràn thích hợp nhằm sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất.

6.6.3 Yêu cầu đối với thiết bị

- Thiết bị sử dụng trực tiếp, tiếp xúc hay tồn chứa hóa chất phải là loại chuyên dụng và tương thích với hóa chất đó.



- Thiết bị sử dụng cho các công việc liên quan đến bức xạ, nguồn phóng xạ, tia X phải có giấy chứng nhận sử dụng được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền theo hướng dẫn trong Thông tư 02/2022/TT-BKHCHN.
- Thiết bị sử dụng cho các công việc liên quan đến bức xạ, nguồn phóng xạ, tia X phải có nhãn mác, ký hiệu rõ ràng trên thiết bị (tên thiết bị, nhà sản xuất, chủng loại thiết bị...).
- Mỗi thiết bị hay cụm thiết bị trực tiếp liên quan đến công việc hóa chất phải có qui trình, hướng dẫn vận hành tương ứng.
- Thiết bị chứa hóa chất lỏng phải giữ đúng hệ số điền đầy quy định theo đặc tính hóa lý của hóa chất đó.
- Phương tiện vận chuyển hóa chất, vật liệu nguy hiểm trên đường bộ phải có Giấy phép vận chuyển do tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP.

6.6.4 Yêu cầu về trang thiết bị bảo hộ lao động

Phải trang bị đầy đủ BHLĐ khi làm việc trực tiếp với hóa chất, vật tư độc hại theo yêu cầu trong bảng đánh giá rủi ro của NCSP và phiếu an toàn hóa chất (SDS). Theo một số hướng dẫn cụ thể sau:

- Làm việc với hóa chất, vật liệu độc hại có đặc tính dễ bay hơi phải trang bị mặt nạ phòng độc phù hợp với loại hóa chất độc hại, phù hợp với kích thước người sử dụng và còn hạn sử dụng.
- Tùy theo qui định trong SDS mà người sử dụng chọn loại găng tay chống hóa chất phù hợp, như: Neoprene, Polyvinyl chloride (PVC), Polyvinyl Alcohol (PVA), găng tay cao su tự nhiên, găng tay cao su tổng hợp, găng tay nitrile...
- Đối với các hóa chất nguy hiểm, dung môi mạnh, hóa chất có tính ăn mòn, hóa chất có khả năng gây nổ, văng, bắn, phải trang bị tạp dề chống hóa chất, quần áo chống hóa chất và giày bảo hộ chống hóa chất.
- Khi làm việc với hóa chất nguy hiểm, có tính ăn mòn, có nhiệt độ cao ở dạng khí, hơi, khói, dạng bình xịt, bụi và những hóa chất phản ứng hóa học tạo ra môi trường có cường độ ánh sáng cao, bức xạ nhiệt phải sử dụng thiết bị bảo vệ mắt (kính chống hóa chất dạng kính bơi - goggles)
- Phải sử dụng tấm chắn bảo vệ mặt (face shield) khi làm việc với những hóa chất lỏng nguy hiểm có nhiệt độ cao, có tính ăn mòn, có khả năng phản ứng hóa học mạnh, gây nổ, vung, bắn tóe.



NCSP CAM KẾT SẼ TẠO ĐIỀU KIỆN TỐT NHẤT CÓ THỂ VÀ HỢP TÁC VỚI NHÀ THẦU TRONG VIỆC THỰC HIỆN TỐT CÁC YÊU CẦU VÀ QUI ĐỊNH NÀY



7. CÁC QUY TRÌNH BỠ TRỢ

- OPS-3000-MP-1208 NCSP HSSE Induction Process;
- HSSE-3000-MP-0006 NCSP Security Access Control Procedure
- OPS-3000-MP-1014 NCSP Work Control System;
- HSSE-3000-MP-0013 NCSP Gas Cylinder Management;
- OPS-3000-MP-1405 NCSP Abrasive Wheel Guidelines;
- OPS-3000-MP-1117 NCSP Manual Handling and Lifting Operations;
- HSSE-3000-MP-0015 NCSP Scaffolding Procedure;
- OPS-3000-MP-1116 Entry to NCSP Site's for Vehicles & Portable Diesel Powered Equipment;
- OPS-3000-MP-2016 NCSP PPE Policy;
- SCM-3000-MP-0015 NCSP Contractor Performance Management Procedure.



Bảng 1 – Danh sách Nhân sự nhà thầu làm việc tại NCSP

TT	Họ và Tên	Số Căn Cước Công dân/ CMND (1)	Thư cử người (2)	Giấy khám sức khỏe (3)	Thẻ An toàn (4)	Chứng nhận PCCC (5)	Chứng chỉ / bằng cấp nghề nghiệp (6)
1	Nguyễn Văn A						
2	Trần Văn B						
3						

Ghi chú:

- (2) Thư cử người tới NCSP làm việc có kí tên và đóng dấu của đại diện Ban giám đốc nhà thầu hoặc một email trực tiếp từ người đại diện BGD nhà thầu;
 - (3) Giấy khám sức khỏe chỉ áp dụng cho các công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm
 - (4) Được huấn luyện ATVSLĐ cho những công việc theo yêu cầu của pháp luật và được xác nhận hoặc cấp thẻ bởi cơ quan huấn luyện được nhà nước cho phép
 - (5) Chứng nhận PCCC áp dụng với người làm việc trong khu công nghệ, trạm van Long Hải, trạm phân phối khí Phú Mỹ và các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao
 - (6) Chứng chỉ / bằng cấp nghề nghiệp liên quan theo các ngành nghề pháp luật qui định (Tham khảo TT-11-2020_ nghề công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm)
- * Đối với người lao động nước ngoài chỉ cần bản photo passport hay VISA và không áp dụng các yêu cầu còn lại.



Bảng 2 – Danh sách máy móc, thiết bị của nhà thầu sử dụng tại công trường của NCSP

Nhà thầu:.....

Công việc:.....

Ngày..... Tháng.....năm:.....

TT	Tên thiết bị / dụng cụ	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu	Số lượng	Chứng nhận liên quan
1					
2					
3					
4	...				
5					

Người chuẩn bị
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế _____, [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu*: _____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu E-HSĐT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.⁽⁵⁾

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

(5) Trường hợp pháp luật có quy định đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư, gồm:



- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.”.



THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:



Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*
- *Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*
- *Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].*

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- *Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.*

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- *Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;*
- *Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;*
- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:



STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 10 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.



BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1(c) E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;



5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1(c) E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;



5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [*ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh*] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt

cho nhà thầu B + C”);

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;
- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.



BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSĐT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.



BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.



**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.



BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ dự kiến	Thời gian thực hiện dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	CUNG CẤP DỊCH VỤ VỆ SINH, BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG VĂN PHÒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY XANH CHO NCSP (GIAI ĐOẠN 2025 – 2026)	Như Mẫu số 01	12	tháng	Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn, xã Long Điền, TPHCM và các cơ sở của NCSP tại Phú Mỹ và Long Hải.	Dự kiến từ 01/09/2025 đến 31/08/2026	

Ghi chú:

- Cột (8): Nhà thầu điền



Mẫu số 10 (Scan đính kèm lên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(Như đính kèm)



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Nhà thầu chào giá vào các mục tương ứng X

STT	DIỄN GIẢI	Chi phí hàng tháng (VNĐ/tháng)	Tỉ lệ chi phí quản lý (%)	Chi phí quản lý hàng tháng (VNĐ/tháng)	Tổng cộng chi phí/tháng (VNĐ/tháng)
A	B	C	D	E = C*D	F = C + E
I.	Chi phí trọn gói	C1=G7 (bảng 01)			
1	Nhân Công (giám sát bảo trì, vườn, tạp vụ) [G7, Bảng 01]	X	X	X	X
2	Tổng cộng chi phí /tháng chưa bao gồm V.A.T 8% (F2=F1)				X
3	Tổng cộng chi phí /năm (12 tháng) chưa bao gồm V.A.T 8% (F3=F2*12)				X

STT	DIỄN GIẢI	Chi phí hàng tháng (VNĐ/tháng)	Tỉ lệ chi phí quản lý (%)	Chi phí quản lý hàng tháng (VNĐ/tháng)	Tổng cộng chi phí/tháng (VNĐ/tháng)
A	B	C	D	E = C*D	F = C + E
II.	Chi phí nhân công ngoài giờ ước tính	C4=J7 (bảng 01)			
4	Nhân công ngoài giờ [J7 (Bảng 01)]	X	X	X	X
5	Tổng cộng chi phí /tháng chưa bao gồm V.A.T 8% (F5=F4)				X
6	Tổng cộng chi phí ngoài giờ ước tính/năm (12 tháng) chưa bao gồm V.A.T 8% (F6=F5*12)				X

STT	DIỄN GIẢI	Chi phí ước tính cả năm (VNĐ)	Tỉ lệ chi phí quản lý (%)	Chi phí quản lý (VNĐ)	Tổng cộng chi phí (VNĐ/năm)
A	B	C	D	E = C x D	F = C + E
III.	Chi phí nhân công phát sinh (Ad-hoc) ước tính	C7=F1 (bảng 02)			
7	Chi phí nhân công phát sinh [F1 (Bảng 02)]	X	X	X	X

STT	DIỄN GIẢI	Chi phí ước tính cả năm (VNĐ)	Tỉ lệ chi phí quản lý (%)	Chi phí quản lý (VNĐ)	Tổng cộng chi phí ước tính/năm (VNĐ/năm)
A	B	C	D	E = C x D	F = C + E
IV.	Chi phí thưởng an toàn cuối năm	Chi phí ước tính cả năm (VNĐ)	Tỉ lệ chi phí quản lý (%)	Chi phí quản lý (VNĐ)	
8	Chi phí thưởng ước tính (căn cứ trên thông báo thưởng từ NCSP, nếu có)	39,000,000	X	X	X

9	Tổng cộng giá dự thầu chưa bao gồm V.A.T 8% (F9=F3+F6+F7+F8)				X
10	V.A.T 8% (VNĐ) (F10=F9*8%)				X
11	Tổng cộng giá dự thầu bao gồm V.A.T 8% (F11=F9+F10) (Kết chuyển sang đơn chào hàng)				X

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Trong thời gian thực hiện hợp đồng, tùy theo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của NCSP, NCSP có quyền yêu cầu nhà thầu thưởng cho những nhân viên của nhà thầu có đóng góp tích cực cho NCSP. Khi đó, nhà thầu có nghĩa vụ chi thưởng cho những nhân viên này, và NCSP sẽ hoàn trả vào kỳ thanh toán tiếp theo.



BẢNG 01 - TÍNH MỨC THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG (NHÂN CÔNG)

STT	Chức danh	Số lượng nhân viên yêu cầu	Tiền lương tối thiểu thực nhận hàng tháng do NCSP yêu cầu (VNĐ/tháng)	Tiền lương thực nhận hàng tháng (VNĐ/tháng) do Nhà Thầu chào	Chi phí khác (BHXH-YT-TN, công đoàn phí, bảo hiểm hòa hoạn, cháy nổ, khám sức khỏe, đào tạo, bảo hộ lao động, lương tháng 13, thưởng lễ, phép và tất cả các khoản chi khác...) (VNĐ/tháng)	Tổng cộng tiền lương hàng tháng (VNĐ/tháng)	Số lượng ngoài giờ cuối tuần ước tính hàng tháng (giờ/người)	Đơn giá ngoài giờ cuối tuần, theo quy định của pháp luật Việt Nam (VNĐ/giờ)	Số lượng ngoài giờ Lễ/Tết ước tính hàng tháng (giờ/người)	Đơn giá ngoài giờ Lễ Tết, theo quy định của pháp luật Việt Nam (VNĐ/giờ)	Tiền lương ngoài giờ hàng tháng (VNĐ/tháng)
A	B	C	D	E	F	G = C* (E+F)	H	I = (E/22/8) x 200% (*)	K	L =(E/22/8)x300%	J = C*((H*I)+(K*L))
1	Giám sát kiêm bảo trì	1	13,000,000	X	X	X	16	X	4	X	X
2	Tạp vụ văn phòng	Nữ nhóm trưởng	7,700,000	X	X	X	16	X	4	X	X
3		Nữ nhân viên	7,400,000	X	X	X	16	X	4	X	X
4		Nam nhân viên	8,500,000	X	X	X	16	X	4	X	X
5	Nhân viên làm vườn	Nam nhóm trưởng kiêm bảo trì	9,000,000	X	X	X	16	X	4	X	X
6		Nam nhân viên	8,500,000	X	X	X	16	X	4	X	X
7	Tổng Cộng					X					X

BẢNG 02 - TÍNH MỨC GIÁ CHO NHÂN CÔNG PHÁT SINH THEO YÊU CẦU

STT	Chức danh	Số giờ ước tính phát sinh trong năm (Giờ/năm)	Đơn giá/giờ tối thiểu nhân lực phát sinh thực nhận do NCSP yêu cầu	Đơn giá/giờ nhân lực phát sinh thực nhận do Nhà Thầu chào	Thành tiền/năm
A	B	C	D	E	F = C*E
1	Nhân lực phát sinh (theo yêu cầu)	2,080	60,000	X	X

- Nhà thầu chào giá vào các mục tương ứng X, trong đó Tiền lương thực nhận hàng tháng (VNĐ/tháng) do Nhà Thầu chào và Đơn giá/giờ nhân lực phát sinh thực nhận do Nhà Thầu chào phải bằng hoặc cao hơn mức mà NCSP yêu cầu, nếu Nhà Thầu chào thấp hơn mức NCSP yêu cầu thì Hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ bị loại.

- Chi phí khác: Là các chi phí mà Nhà Thầu tính toán thêm nhằm đảm bảo được quyền lợi của người lao động theo luật Lao động do Nhà Nước quy định như các loại bảo hiểm; tiền thưởng, lễ, tết; chi phí bảo hộ lao động, phí đào tạo, chi phí công đoàn, ... và các chi phí khác.

(*) Tiền ngoài giờ được tính theo quy định của Nhà Nước cho công việc làm cuối tuần trên cơ sở 1 tháng làm 22 ngày, 1 ngày làm 8 giờ và số lượng ngoài giờ ước tính là 16 giờ/người/tháng. Tiền ngoài giờ chỉ là con số ước tính, hàng tháng số tiền này sẽ được tính dựa trên số lượng giờ làm thực tế do đại diện của NCSP xác nhận. Trong trường hợp làm ngoài giờ trong tuần sẽ theo quy định của Nhà nước $I = (E/22/8) \times 150\%$

- Khi có công việc phát sinh đột xuất, cần điều động thêm người, NCSP sẽ yêu cầu Nhà Thầu cung ứng nhân công đột xuất để thực hiện công việc và NCSP sẽ thanh toán cho Nhà Thầu theo mức đơn giá/giờ như đã chào ở Bảng 02

- Nhà Thầu có trách nhiệm trả cho người lao động đúng mức tiền lương/đơn giá giờ như đã chào trong Bảng 1 & Bảng 2 và tuân thủ quy định của nhà nước đảm bảo quyền lợi của người lao động theo Luật định. Tham khảo theo chi tiết tại bảng 03 đính kèm.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)



BẢNG 03 - CHI TIẾT CHI PHÍ LƯƠNG DỊCH VỤ LAO ĐỘNG

STT	Chức danh	Tiền lương thực nhận hàng tháng (VNĐ)	Chi phí khác									Tổng cộng chi phí khác M = SUM (D:L)
			BHXH-YT-TN (*)	Công đoàn (*)	Bảo hiểm hỏa hoạn cháy nổ (*)	Khám sức khỏe (*)	Đào tạo (*)	Bảo hộ lao động (*)	Tháng lương thứ 13	Thưởng lễ, phép	Các khoản chi khác	
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M = SUM (D:L)
1	Giám sát kiêm bảo trì	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Tập vụ văn phòng											
2	Nữ nhóm trưởng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Nữ nhân viên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	Nữ nhân viên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Nữ nhân viên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Nữ nhân viên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
7	Nam nhân viên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Nhân viên làm vườn											
8	Nam nhóm trưởng kiêm bảo trì	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9	Nam nhân viên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
10	Nam nhân viên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
11	Nam nhân viên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
12	Nam nhân viên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
13	Nam nhân viên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Tổng cộng	X										X

Ghi chú:

Nhà Thầu có trách nhiệm cung cấp chi tiết bảng lương hàng tháng cho nhân viên khi được yêu cầu.

Bảng lương và chi phí bao gồm tất cả các chi phí khác mà nhà thầu tính toán và liệt kê đầy đủ chi tiết.

Tổng số ngày làm việc 1 tháng : 22 ngày

Tiền ngoài giờ của tất cả các chức danh trên áp dụng theo luật Việt Nam

() Là các mục Nhà thầu bắt buộc điền đáp ứng theo Hồ sơ yêu cầu và pháp luật Việt Nam*

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG KÊ KHAI DỊCH VỤ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

Nội dung	Có	Không
Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ⁽¹⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ là sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây ⁽²⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng. Trường hợp nhà thầu tích chọn vào “Có” nội dung (1) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn nội dung (2).

Trường hợp nhà thầu tích chọn “Có” thì nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.



BẢN CAM KẾT

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT _____ [Ghi tên gói thầu theo E-TBMT], văn bản sửa đổi số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm E-HSMT do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu], bằng văn bản này, chúng tôi cam kết:

- Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
- Mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của hợp đồng;
- Trong trường hợp nhà thầu có cung cấp chứng chỉ nhưng chứng chỉ đã hết hiệu lực tối đa 60 ngày trước thời điểm đóng thầu hoặc chứng chỉ còn hiệu lực tại thời điểm đóng thầu nhưng sẽ hết hạn trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu cam kết nếu trúng thầu, trước khi thực hiện công việc, nhà thầu sẽ cung cấp chứng chỉ có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện công việc.
- Cung cấp đầy đủ các văn bằng, giấy chứng nhận, chứng chỉ tại mục II.1; II.2 và II.3 trong Phạm vi công việc trước khi ký kết hợp đồng.
- Đáp ứng tất cả các yêu cầu về An Toàn, Sức khỏe & Môi trường và An Ninh trong quy trình “HSE-3000-MP-0044: HSSE Requirement for Contractors of NCSP.” về an toàn, sức khỏe, môi trường của NCSP, đặc biệt chú ý các mục sau:
 - Mục 3.1: Vai trò và trách nhiệm của Nhà thầu
 - Mục 4: Yêu cầu chung về an toàn
 - Mục 6: Yêu cầu về vật tư và thiết bị
- Nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ

ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu không thực hiện yêu cầu trên thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Tài chính nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
(Xem Biểu mẫu 1 - PHẠM VI CUNG CẤP)



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng tại Chương VIII)

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng tại Chương VIII)

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng đính kèm)



THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu _____ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.





TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
NAMCONSON PIPELINE CO.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 44, xã Long Điền,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: +84 (254) 3864100 Fax: +84 (254) 3864099

Your Ref. _____

Our Ref.	HỢP ĐỒNG SỐ:	Ngày
	
	THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG	Trang 1 / 3

CUNG CẤP DỊCH VỤ VỆ SINH, BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG VĂN PHÒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY XANH CHO NCSP (GIAI ĐOẠN 2025 - 2026)

HỢP ĐỒNG này được ký kết giữa các bên sau đây:

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ÓNG KHÍ NAM CÔN SƠN (NAMCONSON PIPELINE CO.), được thành lập theo Luật pháp Việt Nam, Đăng ký kinh doanh số 3500410112-001 và có trụ sở chính đặt tại Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam,

dưới đây gọi tắt là **CÔNG TY** (hoặc NCSP);

và

....., được thành lập theo Luật pháp Việt Nam, Đăng ký kinh doanh sốvà có địa điểm hoạt động tại số.....,

dưới đây gọi tắt là **NHÀ THẦU**.

XÉT THẤY RẰNG:

- 1) **CÔNG TY** đồng ý thuê và **NHÀ THẦU** đồng ý cung cấp dịch vụ vệ sinh văn phòng và chăm sóc cây xanh (gọi tắt là **CÔNG VIỆC**) cho Nhà máy Xử lý Khí Nam Côn Sơn của **CÔNG TY**;
- 2) **CÔNG TY** muốn rằng toàn bộ **CÔNG VIỆC** sẽ được thực hiện như qui định trong **HỢP ĐỒNG**; và
- 3) **NHÀ THẦU** sẽ thực hiện **CÔNG VIỆC** đúng theo những điều khoản của **HỢP ĐỒNG** này.



VÌ VẬY:

- 1) trong HỢP ĐỒNG này, toàn bộ những chữ và từ ngữ viết hoa đều có nghĩa giống nhau như được đặt cho trong THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG này hoặc ở các phần khác trong HỢP ĐỒNG.
- 2) thành phần hợp đồng bao gồm các tài liệu hình thành nên HỢP ĐỒNG, có thứ tự ưu tiên pháp lý như sau
 - a. Văn bản Hợp đồng này, bao gồm các Phần sau đây:
 1. Phần 1 **Thỏa thuận Hợp đồng**
 2. Phần 2 **Những Điều kiện chung của Hợp đồng**
Phụ lục 1 – Các Điều kiện đặc biệt của Hợp đồng
 3. Phần 3 **Phạm vi Công việc**
Phụ lục 1 – Dịch vụ Vệ sinh Văn phòng
Phụ lục 2 – Yêu cầu Dịch vụ
Phụ lục 3: Yêu cầu về an toàn, sức khỏe & môi trường đối với nhân viên của nhà thầu
 4. Phần 4 **Giá cả hợp đồng và hình thức thanh toán**
Phụ lục 1: Các qui định riêng về việc xuất hóa đơn
Phụ lục 2: Mẫu Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng
Phụ lục 3: Bảng giá chi tiết
 5. Phần 5 **Các yêu cầu về An toàn, Sức khỏe và Môi trường**
 6. Phần 6 **Quản lý thực hiện hợp đồng**

Các Phần này sẽ được hiểu là trọn bộ tài liệu Hợp đồng. Trường hợp có mâu thuẫn về nghĩa của những nội dung của tài liệu Hợp đồng hoặc có sự trái ngược giữa các Phần thì những nội dung sẽ được ưu tiên theo thứ tự đã nêu trên, ngoại trừ Các điều kiện đặc biệt của Hợp đồng như qui định trong Phụ lục 1 của Phần 2 – Những điều kiện chung của Hợp đồng và sẽ được ưu tiên xem xét đối với phần Những điều kiện chung của Hợp đồng.
 - b. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
 - c. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
 - d. Hồ sơ đề xuất;
 - e. Hồ sơ yêu cầu;
- 3) Theo các điều khoản qui định của HỢP ĐỒNG, NHÀ THẦU sẽ hoàn tất CÔNG VIỆC và CÔNG TY sẽ thanh toán GIÁ HỢP ĐỒNG.
- 4) Bất chấp ngày tháng được ghi ở trên, HỢP ĐỒNG có thời gian thực hiện là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày **01/09/2024 đến hết ngày 31/08/2025**, và có hiệu lực kể từ ngày mở **Bảo lãnh thực hiện hợp đồng** cho đến khi hai bên hoàn thành mọi trách nhiệm và nghĩa vụ theo hợp đồng của mình, trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn theo các điều khoản khác của HỢP ĐỒNG này.
- 5) Theo Mục 3.1 của Phần 2, ĐẠI DIỆN của CÔNG TY là:

Ông Nguyễn Đình Định,
 Trưởng phòng Kinh Doanh
 (Theo Thư ủy quyền số.....)



NAMCONSON PIPELINE CO.,
Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền
Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT.: (84 254) 3864100
Fax: (84 254) 3864099

Liên hệ về hợp đồng: Ông **Lê Văn Tùng**, Chuyên viên Mua sắm
Liên hệ về kỹ thuật: Ông ...
Ông ...

6) Theo Mục 3.2 của Phần 2, ĐẠI DIỆN của NHÀ THẦU là:

.....

Liên hệ về hợp đồng:
Liên hệ về kỹ thuật:

7) CÔNG TY vì mục đích của chính mình và thay mặt cho các BÊN LIÊN DOANH của mình ký kết HỢP ĐỒNG này.

Bất kể những điều khoản nói trên:

- a) NHÀ THẦU chấp thuận chú trọng đến CÔNG TY nhằm thực hiện tốt HỢP ĐỒNG này và không có điều khoản nào trong HỢP ĐỒNG sẽ ràng buộc trách nhiệm pháp lý, hoặc cho phép NHÀ THẦU tiến hành các khiếu kiện đối với bất kỳ BÊN LIÊN DOANH nào ngoài CÔNG TY ra;
- b) CÔNG TY có quyền thực thi HỢP ĐỒNG cho chính mình cũng như thay mặt cho tất cả các BÊN LIÊN DOANH của mình. Vì vậy CÔNG TY có thể tiến hành các khiếu kiện dưới danh nghĩa của mình nhằm làm thực thi các nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của NHÀ THẦU và có thể tiến hành bất kỳ khiếu kiện nào của bất kỳ BÊN LIÊN DOANH nào của mình đối với NHÀ THẦU.

HỢP ĐỒNG này được làm thành hai (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Đại diện có thẩm quyền của các bên đã ký kết HỢP ĐỒNG vào ngày tháng được ghi dưới đây:

T/M

(NHÀ THẦU)

T/M **NAMCONSON PIPELINE CO.**

(CÔNG TY)

Họ tên: _____

Chức vụ: _____

Ngày: _____

Họ tên: _____

Chức vụ: _____

Ngày: _____

PHẦN 2

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số:



ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

MỤC LỤC

TIÊU ĐỀ	Trang
1. ĐỊNH NGHĨA	1
2. TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG	1
3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÀ THẦU;.....	2
4. NGHĨA VỤ CHUNG CỦA NHÀ THẦU	2
5. CHUYỂN NHƯỢNG VÀ KÝ HỢP ĐỒNG PHỤ	2
6. NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU	3
7. KIỂM TRA VÀ THỰC HIỆN CÓ SAI SÓT	3
8. THAY ĐỔI.....	4
9. BẤT KHẢ KHÁNG	4
10. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN.....	4
11. THUẾ VÀ THÔNG TIN	5
12. QUYỀN SỞ HỮU	5
13. PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUI ĐỊNH	6
14. CÁC KHOẢN BỒI HOÀN.....	6
15. BẢO HIỂM BỞI NHÀ THẦU	6
16. TỶN THẤT HỆ QUẢ.....	7
17. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG	7
19. QUYỀN CẦM GIỮ	9
20. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH.....	9
21. CÁC QUI ĐỊNH PHÁP LÝ CHUNG	9
22. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	10
23. QUY ĐỊNH VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG.....	10

PHỤ LỤC 1- Điều kiện riêng của Hợp đồng

1. ĐỊNH NGHĨA

Những định nghĩa dưới đây sẽ được sử dụng để giải thích HỢP ĐỒNG. Những định nghĩa bổ sung không có trong Điều này sẽ được áp dụng đối với Phần có nêu những định nghĩa đó và các Phần tiếp theo đó.

- 1.1 "CÔNG TY LIÊN KẾT" nghĩa là một đơn vị, trực tiếp hay gián tiếp, thông qua một hay nhiều bên trung gian, kiểm soát hay chịu sự kiểm soát của hoặc thuộc sự kiểm soát chung với đơn vị được ghi cụ thể. Kiểm soát nghĩa là quyền sở hữu năm mươi phần trăm (50%) trở lên quyền biểu quyết (cổ phần hay hình thức khác) của đơn vị đó. Trong phạm vi theo định nghĩa trên thì một đơn vị vừa là một CÔNG TY LIÊN KẾT của một BÊN LIÊN DOANH vừa là NHÀ THẦU, thì đơn vị đó sẽ chỉ được xem là một CÔNG TY LIÊN KẾT của NHÀ THẦU.
- 1.2 "NHÓM CÔNG TY" nghĩa là CÔNG TY, các BÊN LIÊN DOANH của CÔNG TY, các CÔNG TY LIÊN KẾT của CÔNG TY và của các BÊN LIÊN DOANH của CÔNG TY và các viên chức và nhân viên của CÔNG TY và của các BÊN LIÊN DOANH của CÔNG TY (kể cả nhân viên của bên đại diện), nhưng không bao gồm bất kỳ thành viên nào thuộc NHÓM NHÀ THẦU.
- 1.3 "NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG TY" nghĩa là người nêu tại Điều 3.
- 1.4 "HỢP ĐỒNG" có ý nghĩa trình bày tại Phần 1 - Thỏa thuận Hợp đồng.
- 1.5 "GIÁ HỢP ĐỒNG" nghĩa là giá của CÔNG VIỆC được tính toán theo Phần 4 - Tiền thù lao.
- 1.6 "NHÓM NHÀ THẦU" nghĩa là NHÀ THẦU, các NHÀ THẦU PHỤ của NHÀ THẦU và các nhà thầu phụ của các NHÀ THẦU PHỤ của NHÀ THẦU thuộc bất kỳ cấp nào, các CÔNG TY LIÊN KẾT của NHÀ THẦU và các nhà thầu kể trên, và các viên chức và nhân viên của NHÀ THẦU và các nhà thầu trên (kể cả nhân viên của bên đại lý), nhưng không bao gồm bất kỳ thành viên nào thuộc NHÓM CÔNG TY.
- 1.7 "NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU" nghĩa là người nêu tại Điều 3.
- 1.8 "Các BÊN LIÊN DOANH" nghĩa là bất kỳ bên liên doanh nào với CÔNG TY vào từng thời điểm có một quyền lợi trong giấy phép và/hoặc liên doanh theo đó CÔNG VIỆC đang được thực hiện và các bên kế nhiệm quyền lợi của các BÊN LIÊN DOANH đó hoặc các bên nhận chuyển nhượng bất kỳ quyền lợi nào của các BÊN LIÊN DOANH đó.
- 1.9 "HỢP ĐỒNG PHỤ" nghĩa là một hợp đồng giữa NHÀ THẦU và một bên hay giữa bên đó với các nhà thầu phụ của bên đó thuộc bất kỳ cấp nào (ngoại trừ CÔNG TY hay mọi nhân viên của NHÀ THẦU) để thực hiện bất kỳ phần CÔNG VIỆC nào.
- 1.10 "NHÀ THẦU PHỤ" nghĩa là bất kỳ bên nào (ngoại trừ NHÀ THẦU) trong một HỢP ĐỒNG PHỤ.
- 1.11 "THAY ĐỔI" nghĩa là các chỉ thị hay điều chỉnh nêu tại Điều 8.
- 1.12 "CÔNG VIỆC" ["**DỊCH VỤ**"] nghĩa là toàn bộ công việc [dịch vụ] mà NHÀ THẦU được yêu cầu thực hiện theo các quy định của HỢP ĐỒNG, kể cả mọi dịch vụ được cung cấp theo HỢP ĐỒNG.
- 1.13 "CÔNG TRƯỜNG" nghĩa là các khu đất, nước và những nơi khác trên, dưới, tại hay qua đó CÔNG VIỆC [**DỊCH VỤ**] sẽ được thực hiện hoặc là những nơi mà thiết bị, vật liệu hay vật tư được lấy, tồn trữ hay sử dụng cho các mục đích của HỢP ĐỒNG.

2. TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG

Mọi chỉ dẫn, thông báo, thỏa thuận, cho phép, chấp thuận và xác nhận sẽ bằng văn bản. Tất cả các tài liệu đó cùng với mọi thư từ và các văn bản khác sẽ bằng tiếng Việt và/hoặc Anh.

3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÀ THẦU;

- 3.1 NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG TY là người có tên nêu trong Phần 1 và sẽ có thẩm quyền hành động đại diện và thay mặt CÔNG TY.
- 3.2 NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU là người có tên nêu trong Phần 1 và sẽ có thẩm quyền hành động đại diện và thay mặt NHÀ THẦU.

4. NGHĨA VỤ CHUNG CỦA NHÀ THẦU

- 4.1 NHÀ THẦU sẽ cung ứng mọi việc quản lý, giám sát, nhân sự, trang thiết bị và tất cả các thứ khác dù mang tính chất tạm thời hay lâu dài, trong phạm vi nhu cầu đối với việc cung ứng này được ghi cụ thể trong hay được suy ra một cách hợp lý từ HỢP ĐỒNG.
- 4.2 NHÀ THẦU sẽ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của mình theo HỢP ĐỒNG và sẽ thực hiện [tiến hành] CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] bằng tất cả sự cẩn trọng và chuyên cần thích đáng và bằng kỹ năng được đòi hỏi ở một nhà thầu uy tín có kinh nghiệm về những loại công việc [dịch vụ] sẽ được thực hiện theo HỢP ĐỒNG.
- 4.3 NHÀ THẦU sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm về sự phù hợp, tính ổn định và an toàn của mọi hoạt động và phương pháp của mình cần thiết để thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] và sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Phần 5 - Sức khỏe, An toàn và Môi trường.
- 4.4 Ngoại trừ trong chừng mực có thể là bất hợp pháp hay không khả thi theo quy luật tự nhiên hoặc có thể tạo ra một mối nguy hiểm đến sự an toàn, NHÀ THẦU sẽ thực hiện theo các chỉ thị và chỉ dẫn của CÔNG TY về mọi vấn đề liên quan đến CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ].
- 4.5 Nếu CÔNG TY cung cấp thiết bị, vật liệu, và/hoặc dữ liệu cho NHÀ THẦU:
- (a) NHÀ THẦU sẽ tiến hành kiểm tra kỹ bằng mắt toàn bộ thiết bị và vật liệu của CÔNG TY khi được giao cho NHÀ THẦU giữ và sẽ thông báo cho NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG TY về mọi khiếm khuyết phát hiện được đối với vật tư và thiết bị đó.
 - (b) NHÀ THẦU sẽ cẩn trọng hợp lý và thận trọng khi sử dụng thiết bị và vật liệu của CÔNG TY.
 - (c) Khi chấm dứt HỢP ĐỒNG này, NHÀ THẦU sẽ trao trả lại cho CÔNG TY tất cả các thiết bị, vật liệu, và dữ liệu của CÔNG TY do NHÀ THẦU nhận được từ CÔNG TY, được BÊN TƯ VẤN mua vì lợi ích của CÔNG TY, hoặc được NHÀ THẦU phát triển cho CÔNG TY theo Hợp đồng này.

5. CHUYỂN NHƯỢNG VÀ KÝ HỢP ĐỒNG PHỤ

5.1 Chuyển nhượng

CÔNG TY được tự do chuyển nhượng HỢP ĐỒNG hay bất kỳ phần nào của HỢP ĐỒNG hoặc bất kỳ lợi ích hay quyền lợi nào trong hoặc theo HỢP ĐỒNG cho một BÊN LIÊN DOANH hay CÔNG TY LIÊN KẾT của CÔNG TY. Ngoài ra, CÔNG TY được thực hiện bất kỳ việc chuyển nhượng nào như trên cho một thứ ba khác nhưng chỉ với sự đồng ý trước của NHÀ THẦU mà sự đồng ý đó sẽ không bị từ chối hay trì hoãn một cách vô lý.

5.2 Ký Hợp đồng phụ

NHÀ THẦU không được ký hợp đồng phụ cho toàn bộ CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ]. NHÀ THẦU không được ký hợp đồng phụ cho bất kỳ phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] nào nếu không có sự chấp thuận trước của CÔNG TY. NHÀ THẦU sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi công việc, hành động, không hành động và vi phạm của bất kỳ NHÀ THẦU PHỤ nào như thể đó là công việc, hành động, không hành động hay vi phạm của NHÀ THẦU.

6. NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU

- 6.1 NHÀ THẦU cam kết cung cấp đủ nhân sự vào mọi thời điểm để bảo đảm việc thực hiện và hoàn thành CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] theo quy định của HỢP ĐỒNG.
- 6.2 CÔNG TY có quyền chỉ thị NHÀ THẦU rút khỏi CÔNG TRƯỜNG bất kỳ người nào tham gia vào bất kỳ phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] nào. Bất kỳ người nào như vậy sẽ bị rút ngay khỏi CÔNG TRƯỜNG. Người nào bị rút đi sẽ không được tái tham gia CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay bất kỳ công việc [dịch vụ] nào khác của CÔNG TY nếu không có sự chấp thuận trước của CÔNG TY.
- 6.3 NHÀ THẦU sẽ chỉ chịu trách nhiệm thanh toán cho lao động do NHÀ THẦU tuyển dụng hay thuê mượn, dù là nhân viên, hợp đồng, hay tình trạng khác, kể cả mọi phúc lợi xã hội, tiền bồi thường, tiền thanh toán do chấm dứt, và phúc lợi của nhân viên dưới bất kỳ hình thức nào được yêu cầu theo chính sách lao động của NHÀ THẦU hay pháp luật hiện hành. **NHÀ THẦU đồng ý miễn trừ, bảo vệ, bồi hoàn và giữ cho CÔNG TY không phải chịu bất kỳ và mọi yêu cầu thanh toán, khoản phải trả và chi phí thuộc bất kỳ loại nào do việc NHÀ THẦU không, hay các NHÀ THẦU PHỤ của NHÀ THẦU không, thanh toán các khoản nợ đó.**

7. KIỂM TRA VÀ THỰC HIỆN CÓ SAI SÓT

- 7.1 Để xác nhận là các yêu cầu của HỢP ĐỒNG được đáp ứng, CÔNG TY sẽ có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ, vào mọi thời điểm trong quá trình thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ], kiểm tra CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ], và mọi hồ sơ giấy tờ liên quan đến CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ], và không công nhận bất kỳ hạng mục nào không thực hiện theo các yêu cầu của HỢP ĐỒNG. Ngay cả trong các trường hợp do lỗi của CÔNG TY hay bên nào khác trong việc kiểm tra CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hoặc chứng kiến hoặc kiểm tra hoặc phát hiện ra sai sót cũng như lỗi trong việc từ chối công việc do NHÀ THẦU thực hiện không phù hợp với hợp đồng, NHÀ THẦU sẽ vẫn không được giải phóng trách nhiệm trong việc thực hiện HỢP ĐỒNG.
- 7.2 Ngoại trừ trường hợp Bất khả kháng như nêu tại Phần 2, Điều 9, nếu công ty phát hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay một phần của CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay bất kỳ phần công việc thực hiện lại nào do NHÀ THẦU thực hiện không được tiến hành đúng theo HỢP ĐỒNG qui định, CÔNG TY sẽ gửi thông báo bằng văn bản (trong trường hợp khẩn cấp có thể thông báo bằng lời qua trao đổi trực tiếp, điện thoại) về tình trạng cụ thể của sai sót và Điều khoản HỢP ĐỒNG liên quan đến phần trách nhiệm CÔNG TY không thực hiện. Ngay khi nhận được thông báo, NHÀ THẦU sẽ bằng chi phí của mình ngay lập tức có những hành động cần thiết để sửa chữa những phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] sai sót đó cho phù hợp với yêu cầu của HỢP ĐỒNG trong khoảng thời gian yêu cầu được nêu trong thông báo của CÔNG TY.
- 7.3 Trong trường hợp NHÀ THẦU không có hành động phù hợp để sửa chữa phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] có sai sót cho phù hợp với yêu cầu của HỢP ĐỒNG trong khoảng thời gian đã nêu trong thông báo của CÔNG TY, CÔNG TY sẽ có toàn quyền quyết định trong việc yêu cầu một bên thứ ba vào thực hiện bất kỳ phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] nào không được thực hiện hoặc thực hiện lại như đã nêu tại Điều 7.2 hay bất kỳ công việc nào khác do NHÀ THẦU thực hiện theo qui định của HỢP ĐỒNG. CÔNG TY sẽ thông báo cho NHÀ THẦU quyết định này theo đó Điều 7.4 dưới đây sẽ được áp dụng và NHÀ THẦU sẽ phải dừng ngay lập tức bất kỳ CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] nào đang được tiến hành theo Điều khoản 7.2 ở trên.
- 7.4 Trong trường hợp CÔNG TY, khi tiến hành thực hiện Điều khoản 7.3 nêu trên, mời một bên thứ ba vào để thực hiện lại bất kỳ phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] không được NHÀ THẦU thực hiện (hay thực hiện lại theo qui định của Điều 7.2 nêu trên) phù hợp với yêu cầu của HỢP ĐỒNG, NHÀ THẦU sẽ phải có trách nhiệm thanh toán lại cho CÔNG TY bất kỳ hoặc toàn bộ các chi phí phát sinh hợp lý (bao gồm, nhưng không giới hạn, những chi phí cho việc thực hiện lại phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] tương ứng bởi bên thứ ba) mà CÔNG TY phải chi trả do hậu quả trực tiếp của việc không thực hiện phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] tương ứng bởi NHÀ THẦU.

8. THAY ĐỔI

- 8.1 CÔNG TY có quyền đưa ra chỉ thị cho NHÀ THẦU vào bất kỳ thời điểm nào để tiến hành các thay đổi đối với CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] trong phạm vi khả năng và nguồn lực của NHÀ THẦU. NHÀ THẦU sẽ tiến hành ngay như được chỉ thị. Nếu có thể được, các THAY ĐỔI sẽ được ghi chép như một sửa đổi của HỢP ĐỒNG hay dưới hình thức khác do CÔNG TY đưa ra.
- 8.2 Bất kỳ việc điều chỉnh GIÁ HỢP ĐỒNG nào phát sinh từ bất cứ sự thay đổi nào sẽ được định giá theo các mức giá tương ứng nêu trong HỢP ĐỒNG hoặc, nếu không có các mức giá thích hợp, CÔNG TY sẽ thực hiện việc định giá một cách công bằng.

9. BẤT KHẢ KHÁNG

- 9.1 Cả CÔNG TY cũng như NHÀ THẦU đều không chịu trách nhiệm về việc không hoàn thành bất kỳ điều khoản hay điều kiện nào của HỢP ĐỒNG nếu và trong chừng mực việc không hoàn thành đó đã bị trì hoãn hay tạm thời bị cản trở do một sự kiện nào ngoài tầm kiểm soát và không do lỗi hay sự bất cẩn của bên bị ảnh hưởng và bên đó bằng sự chuyên cần hợp lý không thể khắc phục được sự kiện đó.
- 9.2 Trong trường hợp xảy ra một sự kiện bất khả kháng, bên bị hay có thể bị trì hoãn thực hiện HỢP ĐỒNG sẽ ngay lập tức thông báo cho bên kia nêu đầy đủ chi tiết về sự kiện đó và sẽ nỗ lực tối đa một cách hợp lý để khắc phục tình hình mà không được chậm trễ.
- 9.3 Ngoại trừ được quy định khác đi trong HỢP ĐỒNG, không có bất kỳ khoản thanh toán nào sẽ được thực hiện đối với một sự kiện bất khả kháng.
- 9.4 Sau khi có thông báo về một sự kiện bất khả kháng theo Khoản 9.2, CÔNG TY và NHÀ THẦU sẽ gặp nhau không được chậm trễ nhằm thỏa thuận và nhất trí một phương hướng hành động chung để giảm thiểu mọi tác động của sự kiện đó.
- 9.5 Vì mục đích của HỢP ĐỒNG này, chỉ những trường hợp sau sẽ được xem là bất khả kháng:
- (a) Nổi loạn, chiến tranh, xâm lược, các hành động của thù địch nước ngoài (cho dù có tuyên chiến hay không), khủng bố, nội chiến, phiến loạn, cách mạng, khởi nghĩa của quân đội hay thế lực tiềm quyền;
 - (b) Phóng xạ ion hóa hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nguồn hạt nhân hay chất thải hạt nhân nào từ việc đốt cháy nguồn hạt nhân hoặc nguồn phóng xạ, chất độc, chất nổ hoặc cách chất độc hại khác của bất kỳ dây chuyền hạt nhân hoặc thành phần hạt nhân gây nổ nào;
 - (c) Sóng âm gây ra bởi máy bay hoặc các thiết bị trên không khác di chuyển với tốc độ âm thanh hoặc siêu âm;
 - (d) Động đất, lũ lụt, cháy nổ và/hoặc thảm họa thiên nhiên khác, nhưng không bao gồm các điều kiện thời tiết cho dù các điều kiện đó là khốc liệt;
 - (e) Đỉnh công ở mức độ quốc gia hoặc khu vực hoặc các tranh chấp về công nghiệp có mức độ quốc gia hoặc khu vực, hoặc sự đình công hoặc tranh chấp công nghiệp bởi lực lượng lao động không thuộc sự tuyển dụng của bên bị ảnh hưởng, của các nhà thầu phụ hay nhà cung cấp của bên đó gây tác động đáng kể hoặc nghiêm trọng đến CÔNG VIỆC;
 - (f) Thảm họa hàng hải hoặc hàng không.

10. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

- 10.1 Để thực hiện và hoàn thành CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ], CÔNG TY sẽ thanh toán hay thu xếp thanh toán cho NHÀ THẦU các khoản tiền quy định tại Phần 4 - Tiền thù lao vào những thời điểm và theo cách thức ghi cụ thể tại Phần 4 - Tiền thù lao và tại Điều này.

- 10.2 Ngoại trừ trường hợp được quy định rõ là CÔNG TY sẽ thực hiện một nghĩa vụ theo HỢP ĐỒNG bằng chi phí của CÔNG TY, mọi thứ do NHÀ THẦU cung cấp hay thực hiện theo HỢP ĐỒNG sẽ được xem là được bao gồm trong các mức giá nêu tại Phần 4 - Tiền thù lao.
- 10.3 NHÀ THẦU sẽ phát hành hóa đơn cho CÔNG TY đối với CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] được thực hiện theo các quy định nêu tại Phụ lục 1 của Phần 4 - Tiền thù lao. NHÀ THẦU sẽ trình mọi giấy tờ do CÔNG TY yêu cầu hợp lý để chứng minh cho mọi hóa đơn.
- 10.4 Nếu CÔNG TY có tranh chấp về mục nào trong một hóa đơn toàn bộ hay một phần hoặc nếu hóa đơn được lập hay trình ra không đúng cách về bất kỳ khía cạnh nào, CÔNG TY sẽ có quyền giữ lại tiền thanh toán cho đến khi tranh chấp được giải quyết.
- 10.5 Việc NHÀ THẦU chấp nhận khoản thanh toán cuối cùng của CÔNG TY sẽ cấu thành một sự miễn trừ toàn bộ và vô điều kiện với sự thỏa đáng hoàn toàn về mọi yêu cầu thanh toán của NHÀ THẦU đối với CÔNG TY, cho dù có bất kỳ quy định nào khác mâu thuẫn nêu trong HỢP ĐỒNG.

11. THUẾ VÀ THÔNG TIN

- 11.1 NHÀ THẦU sẽ nộp hợp thức, và sẽ thu xếp để mỗi NHÀ THẦU PHỤ hay nhà cung cấp theo Hợp đồng này sẽ nộp hợp thức, mọi khoản thuế mà do cơ quan có thẩm quyền ấn định hay áp dụng một cách đúng đắn và hợp pháp đối với NHÀ THẦU hoặc NHÀ THẦU PHỤ hay nhà cung cấp đó liên quan đến việc thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] theo HỢP ĐỒNG hay bất kỳ một HỢP ĐỒNG PHỤ hay đơn mua hàng nào theo Hợp đồng này.
- 11.2 Ngoại trừ Thuế Giá trị Gia tăng, các mức giá được niêm yết trong HỢP ĐỒNG này bao gồm toàn bộ mọi khoản thuế hiện hành.
- 11.3 Chỉ nhằm mục đích của Điều này, “thuế” bao gồm bất kỳ khoản thuế, thuế quan hay lệ phí nào và bất kỳ khoản tiền phạt hay tiền lãi nào đối với các khoản trên và mọi phí tổn và chi phí khác do cơ quan có thẩm quyền ấn định hay áp dụng. Các đề cập đến CÔNG TY tại Điều 11 này sẽ được giải thích là cũng bao gồm các CÔNG TY LIÊN KẾT của CÔNG TY.
- 11.4 Khi được yêu cầu, NHÀ THẦU sẽ cung cấp và sẽ thu xếp để bất kỳ NHÀ THẦU PHỤ hay nhà cung cấp nào theo đây sẽ cung cấp cho CÔNG TY các thông tin (kể cả thông tin bằng văn bản) liên quan đến NHÀ THẦU hay các hoạt động của các NHÀ THẦU PHỤ hay nhà cung cấp của NHÀ THẦU theo hay căn cứ vào HỢP ĐỒNG khi CÔNG TY có yêu cầu nhằm mục đích (i) tuân thủ yêu cầu hay quy định hợp pháp về thông tin đó của một cơ quan hay ban ngành chính phủ, (ii) giúp CÔNG TY tiến hành, biện hộ, thương thảo hay giải quyết bất kỳ khiếu kiện nào phát sinh từ, hay có liên quan đến, các hoạt động đó, dù khiếu kiện đó có trở thành đối tượng của việc phân xử trọng tài hoặc trình tự tố tụng tư pháp hay không, hoặc (iii) giúp CÔNG TY làm đơn (bao gồm nhưng không giới hạn vào bất kỳ yêu cầu nào về chiết khấu hay miễn giảm) hay trình bày liên quan đến, hoặc để phản bác việc định mức thuế trên, hay khoản phải trả của CÔNG TY đối với bất kỳ loại thuế nào.

Các nghĩa vụ của NHÀ THẦU nêu trên sẽ tồn tại trong thời gian sáu năm bắt đầu từ ngày CÔNG TY đồng ý bản thanh toán cuối cùng của NHÀ THẦU theo HỢP ĐỒNG, và NHÀ THẦU sẽ lưu giữ, và sẽ thu xếp để bất kỳ nhà thầu phụ hay nhà cung cấp nào theo đây sẽ lưu giữ, mọi thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của NHÀ THẦU theo hay căn cứ vào HỢP ĐỒNG vì sẽ giúp NHÀ THẦU thực hiện theo các nghĩa vụ nêu trên của mình.

- 11.5 NHÀ THẦU sẽ bồi hoàn và giữ cho CÔNG TY được bồi hoàn đối với mọi khoản phải trả phát sinh do hành vi vi phạm của NHÀ THẦU hoặc bất kỳ NHÀ THẦU PHỤ hay nhà cung cấp nào đối với một trong những nghĩa vụ theo Khoản 11.1 đến Khoản 11.4 ở trên và mọi vụ kiện, thủ tục tố tụng, khiếu kiện, tiền bồi thường, lệ phí, phí tổn và chi phí có liên quan.

12. QUYỀN SỞ HỮU

CÔNG TY sẽ duy trì quyền sở hữu đối với các hạng mục và thông tin do CÔNG TY cung cấp. Tất cả các thiết bị, vật liệu và vật tư do NHÀ THẦU cung cấp để vĩnh viễn đưa vào CÔNG VIỆC sẽ trở

thành và được xác định rõ ràng là tài sản của CÔNG TY sau khi giao đến CÔNG TRƯỜNG hoặc sau khi CÔNG TY thanh toán, tùy theo trường hợp nào xảy ra trước. NHÀ THẦU sẽ bảo đảm rằng mọi mặt hàng do NHÀ THẦU cung cấp không phụ thuộc vào quyền cầm giữ và/hoặc quyền đòi duy trì quyền sở hữu từ một bên thứ ba.

13. PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUI ĐỊNH

- 13.1 NHÀ THẦU sẽ tuân thủ, và sẽ bảo đảm rằng toàn bộ nhân viên của NHÀ THẦU và bất kỳ NHÀ THẦU PHỤ nào tham gia vào việc thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] sẽ tuân thủ, mọi pháp luật, quy tắc và quy định hiện hành của bất kỳ cơ quan nhà nước hay chính quyền nào có quyền tài phán đối với CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] và/hoặc CÔNG TRƯỜNG.
- 13.2 NHÀ THẦU phải có được mọi giấy phép, cho phép, giấy phép tạm thời cần có theo yêu cầu của luật pháp, quy tắc và quy định hiện hành để thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ].

14. CÁC KHOẢN BỒI HOÀN

14.1 Các khoản Bồi hoàn Chung

Mỗi bên NHÀ THẦU và CÔNG TY sẽ bồi hoàn và giữ cho bên kia không phải chịu mọi khiếu kiện, tổn thất, thiệt hại, phí tổn (kể cả chi phí pháp lý), chi phí và khoản phải trả đối với:

- (a) tổn thất hay thiệt hại đến tài sản tương ứng của mình phát sinh từ hay có liên quan đến việc thực hiện HỢP ĐỒNG; Tuy nhiên trong trường hợp tổn thất hay thiệt hại đến tài sản của CÔNG TY do nhà thầu gây nên, phát sinh từ hay có liên quan đến việc thực hiện HỢP ĐỒNG, NHÀ THẦU sẽ bồi thường với giá trị lên đến 1.000.000 USD, tương đương với mức miễn trừ áp dụng trong hợp đồng bảo hiểm tài sản của CÔNG TY.
- (b) thương tật về người kể cả tử vong hay bệnh tật đối với bất kỳ nhân viên nào của NHÓM NHÀ THẦU, liên quan đến bồi hoàn của NHÀ THẦU, hoặc NHÓM CÔNG TY, liên quan đến bồi hoàn của CÔNG TY, phát sinh từ hay có liên quan đến việc thực hiện HỢP ĐỒNG;
- (c) thương tật về người kể cả tử vong hay bệnh tật hoặc mất mát hay thiệt hại đối với tài sản của một bên thứ ba trong chừng mực thương tật, tổn thất hay thiệt hại nào đó là do sự bất cẩn hay vi phạm nhiệm vụ (dù theo luật quy định hay cách nào khác) của NHÓM NHÀ THẦU gây ra, liên quan đến bồi hoàn của CÔNG TY. Nhằm các mục đích của Điều này, "bên thứ ba" nghĩa là bên mà không phải là thành viên của NHÓM CÔNG TY hay NHÓM NHÀ THẦU. Tuy nhiên trong trường hợp thương tật về người kể cả tử vong hay bệnh tật hoặc mất mát hay thiệt hại đối với tài sản của một bên thứ ba do NHÀ THẦU gây nên và/hoặc CÔNG TY phải chịu trách nhiệm liên đới, phát sinh từ hay có liên quan đến việc thực hiện HỢP ĐỒNG, NHÀ THẦU sẽ bồi thường với giá trị lên đến 500.000 USD, tương đương với mức miễn trừ áp dụng trong hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba của CÔNG TY.

14.2 Bồi hoàn về An toàn Đường bộ

Cho dù có bất kỳ điều gì khác hơn trong đây, NHÀ THẦU sẽ chịu trách nhiệm về và sẽ tránh cho, bồi hoàn, bảo vệ và giữ cho NHÓM CÔNG TY khỏi mọi khiếu kiện, tổn thất, thiệt hại, phí tổn (kể cả chi phí pháp lý), chi phí và khoản phải trả đối với bất kỳ mất mát hay thiệt hại nào về tài sản hay thương tật về người kể cả tử vong phát sinh từ việc NHÀ THẦU PHỤ không tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn đường bộ quy định tại Phụ lục 3 của Phần 5 - Sức khỏe, An toàn và Môi trường.

15. BẢO HIỂM BỞI NHÀ THẦU

- 15.1 NHÀ THẦU sẽ thu xếp ở mức tối thiểu các bảo hiểm nêu tại Khoản 15.2 và bảo đảm rằng các bảo hiểm đó có đầy đủ hiệu lực trong suốt thời hạn HỢP ĐỒNG. Tất cả các bảo hiểm đó sẽ được mua ở những công ty bảo hiểm lớn và uy tín, và sẽ bao gồm khoản khước từ các quyền thế quyền đối với NHÓM CÔNG TY để các công ty bảo hiểm không được thực hiện bất kỳ khiếu kiện nào mà NHÀ THẦU bị ngăn cản thực hiện theo Hợp đồng.
- 15.2 Các bảo hiểm được yêu cầu thực hiện theo Khoản 15.1 như sau:
- (a) Trách nhiệm của Người sử dụng lao động bao gồm thương tật về người hay tử vong của các nhân viên của NHÀ THẦU tham gia vào việc thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] ở giá trị tổng cộng tối thiểu theo yêu cầu của luật hiện hành;
 - (b) Bảo hiểm Trách nhiệm Chung Toàn diện trên cơ sở phát sinh sự cố, bao gồm nhà xưởng, ngoài nhà xưởng, hoạt động, nhà thầu độc lập, trách nhiệm theo hợp đồng và đâm va, khác với các khoản như được yêu cầu tại điểm (a) trên đây, bảo hiểm cho hoạt động của NHÀ THẦU khi thực hiện HỢP ĐỒNG, với số tiền lên đến 1.000.000 USD một vụ đối với thương tật về con người và/hoặc thiệt hại về tài sản đối với trách nhiệm bên thứ ba. Bổ sung CÔNG TY là Người Được Bảo Hiểm và áp dụng điều khoản Cross Liability trong đơn Bảo hiểm này. Mức miễn trừ của đơn bảo hiểm và mở rộng điều khoản loại trừ sẽ được hai Bên thống nhất khi Nhà Thầu tiến hành mua bảo hiểm cho Hợp Đồng này. Tuy nhiên, mức miễn trừ này chỉ áp dụng với thiệt hại về vật chất và không được lớn hơn 1.000 USD/vụ. Nhà thầu phải hoàn tất việc mua bảo hiểm theo điều khoản này trong vòng 30 ngày kể từ khi ký kết hợp đồng.
 - (c) Bảo Hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - (d) Các Bảo Hiểm khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 15.3 NHÀ THẦU sẽ cung cấp cho CÔNG TY bằng chứng của bảo hiểm trên khi có yêu cầu.
- 15.4 NHÀ THẦU sẽ bảo đảm rằng các NHÀ THẦU PHỤ được bảo hiểm ở mức độ thích hợp khi có liên quan đến công việc của các NHÀ THẦU PHỤ.
- 15.5 Trong phạm vi cho phép áp dụng của luật hiện hành, tất cả các đơn bảo hiểm nêu trên (ngoại trừ đơn bảo hiểm Trách nhiệm Người sử dụng lao động) phải bao gồm các nội dung điều khoản sau:
- Bao gồm tên CÔNG TY như người được bảo hiểm bổ sung;
 - Điều khoản từ bỏ thế quyền vì lợi ích của CÔNG TY;
 - Điều khoản quy định về trách nhiệm chéo giữa các bên (áp dụng đối với các đơn bảo hiểm trách nhiệm).

16. TỔN THẤT HỆ QUẢ

Cho dù có bất kỳ quy định nào khác đi trong HỢP ĐỒNG và trừ trường hợp mọi khoản tiền bồi thường thỏa thuận trước hay phí chấm dứt được quy định trong HỢP ĐỒNG, cả NHÓM NHÀ THẦU cũng như NHÓM CÔNG TY sẽ không chịu trách nhiệm với bên kia về mọi tổn thất riêng, gián tiếp hay hệ quả (ví dụ như bao gồm nhưng không giới hạn ở tổn thất về sản xuất hoặc mất lợi nhuận) phát sinh từ hoặc do bất kỳ hành động hay việc không thực hiện nghĩa vụ nào của NHÓM NHÀ THẦU hay NHÓM CÔNG TY.

17. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 17.1 CÔNG TY sẽ có quyền bằng cách gửi thông báo chấm dứt toàn bộ hay một phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay HỢP ĐỒNG vào một hay những thời điểm CÔNG TY có thể cho là cần thiết vì một hay tất cả các lý do sau:
- (a) để tiện lợi cho CÔNG TY
 - (b) trong trường hợp vi phạm về phía NHÀ THẦU;

- (c) trong trường hợp NHÀ THẦU bị phá sản hoặc thực hiện một sự điều đình hay dàn xếp với các chủ nợ của NHÀ THẦU hoặc một lệnh giải thể của NHÀ THẦU được đưa ra.
- 17.2 Trong trường hợp CÔNG TY gửi cho NHÀ THẦU thông báo chấm dứt toàn bộ hay một phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay HỢP ĐỒNG, thông báo đó sẽ có hiệu lực vào ngày ghi cụ thể trong thông báo (hoặc nếu không có ngày nào được ghi cụ thể thì vào ngày nhận được thông báo) khi đó NHÀ THẦU sẽ ngay lập tức:
- (a) ngừng thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay một phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] được xác định cụ thể trong thông báo;
 - (b) cho phép CÔNG TY hay bên được đề cử của CÔNG TY được toàn quyền đi vào để tiếp quản CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] có liên quan;
 - (c) chuyển nhượng cho CÔNG TY, hay bên được đề cử của CÔNG TY, trong phạm vi mong muốn của CÔNG TY, toàn bộ hay những phần có liên quan trong các quyền, quyền sở hữu, nghĩa vụ nợ và các HỢP ĐỒNG PHỤ liên quan đến CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] mà NHÀ THẦU có thể đã có được hay đã thiết lập;
 - (d) bằng chi phí riêng của mình rút ra khỏi cơ sở của CÔNG TY toàn bộ thiết bị, vật liệu, vật tư, và nhân sự của NHÀ THẦU.

Trong trường hợp chấm dứt theo Khoản 17.1(b) hay (c), CÔNG TY sẽ có quyền hoàn thành CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay phần có liên quan của CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] bởi các nhà thầu khác.

- 17.3 Trong trường hợp chấm dứt theo Khoản 17.1(a), NHÀ THẦU sẽ được hưởng tiền thanh toán như nêu tại Phần 4 - Tiền thù lao đối với phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] được thực hiện theo HỢP ĐỒNG cùng với các khoản tiền thanh toán và phí khác như có thể được nêu trong Phần đó hay các phí tổn hợp lý được thỏa thuận giữa các bên vào thời điểm chấm dứt.
- 17.4 Trong trường hợp chấm dứt một phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] theo Khoản 17.1(b) hay (c), NHÀ THẦU sẽ được hưởng tiền thanh toán như nêu tại Phần 4 - Tiền thù lao đối với phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] đã thực hiện theo HỢP ĐỒNG. Mọi phí tổn bổ sung do CÔNG TY làm phát sinh hợp lý là kết quả trực tiếp của việc chấm dứt đó sẽ được lấy lại từ NHÀ THẦU.
- 17.5 Trong trường hợp chấm dứt theo Điều này, không Bên nào sẽ được miễn trừ bất kỳ nghĩa vụ hay trách nhiệm nào đang tiếp diễn theo HỢP ĐỒNG hay theo pháp luật.

18. KIỂM TOÁN

- 18.1 Trong quá trình của CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] và trong một thời gian kết thúc ba năm sau đó, CÔNG TY hay người đại diện được ủy quyền hợp lệ của CÔNG TY sẽ có quyền kiểm toán vào mọi thời điểm hợp lý và, khi có yêu cầu, sao chép toàn bộ hồ sơ của NHÀ THẦU (kể cả dữ liệu được lưu trong máy tính), sổ sách, hồ sơ nhân sự, báo cáo kế toán, thư từ, bản ghi nhớ, biên nhận, biên lai thu tiền và các giấy tờ khác thuộc mọi loại liên quan đến;
- (a) mọi khoản phí được lập hóa đơn do NHÀ THẦU thực hiện đối với CÔNG TY; và
 - (b) bất kỳ quy định nào của HỢP ĐỒNG này theo đó NHÀ THẦU có nghĩa vụ và việc thực hiện nghĩa vụ đó có thể được xác minh qua kiểm toán.
- 18.2 NHÀ THẦU sẽ hoàn toàn hợp tác với CÔNG TY và/hoặc các đại diện của CÔNG TY trong việc thực hiện bất kỳ cuộc kiểm toán nào do CÔNG TY yêu cầu.

19. QUYỀN CẦM GIỮ

- 19.1 NHÀ THẦU không được đòi hỏi bất kỳ quyền cầm giữ, ràng buộc hay tương tự đối với CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay đối với bất kỳ tài sản nào của CÔNG TY đang giữ bởi NHÀ THẦU hay tại CÔNG TRƯỜNG.
- 19.2 Không ảnh hưởng đến bất kỳ quy định nào khác của Điều này, NHÀ THẦU sẽ miễn trừ, bồi hoàn, bảo vệ và giữ cho CÔNG TY không phải chịu mọi quyền cầm giữ, tịch thu, ràng buộc hay quyền đòi hỏi nào bởi bất kỳ NHÀ THẦU PHỤ nào liên quan đến hay phát sinh từ HỢP ĐỒNG.

20. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

- 20.1 NHÀ THẦU biết rằng CÔNG TY ngăn cấm việc trao hối lộ hay chi tiền để được thuận lợi và NHÀ THẦU cam kết tuân thủ chính sách này.
- 20.2 NHÀ THẦU tuyên bố và cam đoan rằng mình, cũng như bất kỳ viên chức, giám đốc, ủy viên, cổ đông, người đại diện, nhân viên, người được ủy quyền hay Công ty liên kết nào của NHÀ THẦU, sẽ không thực hiện hay thu xếp thực hiện việc chi tiền, khoản vay hay quà bằng tiền hay bất kỳ thứ gì có giá trị, trực tiếp hay gián tiếp, liên quan đến CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ]:
- cho hay vì lợi ích của bất kỳ cán bộ, nhân viên hay đại diện thương mại nào của một cơ quan chính quyền, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước hay tổ chức quốc tế công cộng; hoặc
 - cho bất kỳ đảng phái chính trị hay ứng cử viên nào của đảng phái chính trị đó,

nếu việc chi tiền, khoản vay hay quà bằng tiền hay bất kỳ thứ gì có giá trị:

- sẽ cấu thành hành vi hối lộ hay hành vi chi tiền để được thuận lợi; hoặc
 - được dự định để tác động đến một quyết định có lợi cho CÔNG TY.
- 20.3 NHÀ THẦU cam kết thông báo ngay cho CÔNG TY nếu NHÀ THẦU biết được, hay nghi ngờ, một hành vi vi phạm Khoản 20.2.
- 20.4 NHÀ THẦU sẽ không thanh toán bất kỳ khoản phí, tiền hoa hồng, khoản giảm giá hay thứ gì có giá trị cho hay vì lợi ích của bất kỳ nhân viên nào của CÔNG TY, hoặc NHÀ THẦU sẽ không tiến hành kinh doanh với bất kỳ bên thứ ba nào khi biết rằng các kết quả có thể trực tiếp làm lợi cho một nhân viên của CÔNG TY. NHÀ THẦU sẽ cẩn trọng và chuyên cần hợp lý để ngăn ngừa mọi hành động hay điều kiện nào có thể dẫn đến một sự mâu thuẫn với quyền lợi tốt nhất của CÔNG TY. Nghĩa vụ này sẽ áp dụng cho các hoạt động của những nhân viên và đại diện của NHÀ THẦU trong các quan hệ của họ với các nhân viên của CÔNG TY, gia đình của họ, những người bán hàng, các nhà thầu phụ, và các bên thứ ba phát sinh từ HỢP ĐỒNG này và CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ].
- 20.5 NHÀ THẦU đảm bảo rằng các chính sách và qui định của CÔNG TY về Đạo đức Kinh Doanh (như phụ lục 2 đính kèm) luôn được tuân thủ chặt chẽ trong suốt quá trình thực hiện CÔNG VIỆC. NHÀ THẦU phải đảm bảo tất cả nhân viên của mình đều nhận thức được các qui định này.
- 20.6 Việc NHÀ THẦU không tuân thủ các quy định của Điều 20 này sẽ được xem là nguyên nhân chính đáng để chấm dứt HỢP ĐỒNG mà không cần thông báo và không có khoản phạt tài chính nào đối với CÔNG TY theo các quy định của Điều 17.

21. CÁC QUI ĐỊNH PHÁP LÝ CHUNG

21.1 Sự độc lập của NHÀ THẦU

NHÀ THẦU sẽ hành động với tư cách một nhà thầu độc lập đối với CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] và sẽ thực hiện việc kiểm soát, giám sát, quản lý và điều khiển về phương pháp và cách thức nhằm đạt được kết quả do CÔNG TY yêu cầu.

21.2 Luật Điều chỉnh và Ngôn ngữ

HỢP ĐỒNG sẽ được hiểu và có hiệu lực theo luật Việt Nam.
HỢP ĐỒNG sẽ được lập bằng tiếng Việt.

21.3 Thông báo

Mọi thông báo về HỢP ĐỒNG sẽ được gửi bằng văn bản và trao tay, bằng telefax hay qua bưu điện hạng nhất đến địa chỉ có liên quan được ghi cụ thể tại Phụ lục 1 và bản sao được gửi cho một hay nhiều văn phòng khác của các bên như được các bên chỉ định bằng văn bản vào từng thời điểm cho bên kia.

Các thông báo đó sẽ có hiệu lực:

- (a) vào thời điểm giao nếu được trao tay, hoặc
- (b) nếu được gửi bằng fax, vào ngày làm việc đầu tiên tại địa chỉ của bên nhận sau ngày gửi.

21.4 Toàn bộ Thỏa thuận

HỢP ĐỒNG cấu thành toàn bộ thỏa thuận giữa các bên trong đây đối với CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] và thay thế mọi dàn xếp, tuyên bố hay thỏa thuận trước đây, bằng văn bản hay bằng miệng, liên quan đến HỢP ĐỒNG. Không có sửa đổi nào đối với HỢP ĐỒNG sẽ có hiệu lực trừ khi được xác nhận bằng văn bản và do các bên trong HỢP ĐỒNG ký tên.

21.5 Tính vô hiệu và Riêng rẽ

Nếu một quy định của HỢP ĐỒNG này bị một tòa án hay cơ quan quản trị có thẩm quyền cho là vô hiệu hay không có hiệu lực thi hành, thì tính vô hiệu hay không có hiệu lực thi hành của quy định đó sẽ không ảnh hưởng đến các quy định khác của HỢP ĐỒNG này và tất cả các quy định không bị ảnh hưởng do tính vô hiệu hay không có hiệu lực thi hành đó sẽ vẫn có hiệu lực đầy đủ. CÔNG TY và NHÀ THẦU nay đồng ý cố gắng thay thế bất kỳ quy định nào vô hiệu hay không có hiệu lực thi hành bằng một quy định có hiệu lực pháp lý hay có hiệu lực thi hành mà đạt được trong phạm vi lớn nhất có thể các mục tiêu kinh tế, pháp lý và thương mại của quy định vô hiệu hay không có hiệu lực thi hành.

22. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hay có liên quan đến HỢP ĐỒNG này mà các bên không thể giải quyết bằng thảo luận giữa các bên sẽ được giải quyết trọn vẹn và chung thẩm bằng phân xử trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thành phố Hồ Chí Minh.

23. QUY ĐỊNH VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG

23.1 CÔNG TY chú trọng hàng đầu về các vấn đề sức khỏe, an toàn và môi trường (HS&E) và yêu cầu NHÀ THẦU, các NHÀ THẦU PHỤ và những nhà thầu phụ của các NHÀ THẦU PHỤ đồng ý với và tích cực thực hiện theo các tiêu chuẩn cao nhất về việc thực hiện HS&E.

23.2 NHÀ THẦU sẽ tôn trọng và tuân thủ các quy định của Phần 5 - An toàn, Sức khỏe và Môi trường và việc không đáp ứng các yêu cầu này hay không làm CÔNG TY thỏa mãn về việc kiểm soát các rủi ro HS&E đối với HỢP ĐỒNG sẽ được xem là nguyên nhân chính đáng để chấm dứt HỢP ĐỒNG mà không cần thông báo và không có khoản tiền phạt tài chính nào đối với CÔNG TY theo các quy định của Điều 17.

23.3 NHÀ THẦU sẽ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng tất cả các NHÀ THẦU PHỤ, những nhà thầu phụ của các NHÀ THẦU PHỤ và nhân viên của NHÀ THẦU PHỤ và những nhà thầu phụ đó hiểu và quản lý theo các nguyên tắc và yêu cầu của các quy định HS&E và rằng các chuẩn mực tương tự được áp dụng cho hệ thống quản lý HS&E của NHÀ THẦU PHỤ và của những nhà thầu phụ của các NHÀ THẦU PHỤ và việc thực hiện HS&E.

PHỤ LỤC 1
CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG CỦA HỢP ĐỒNG

Trong trường hợp có sự tối nghĩa hay mâu thuẫn giữa Điều kiện chung của Hợp đồng và Điều kiện riêng của Hợp đồng này, thì Điều kiện riêng của Hợp đồng Riêng sẽ được ưu tiên.

	Điều kiện riêng của Hợp đồng
21.3 Thông báo	Thông báo cho CÔNG TY sẽ được gửi đến: NAMCONSON PIPELINE Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh Tel.: (0254) 864100 Fax: (0254) 864099 Thông báo cho NHÀ THẦU sẽ được gửi đến:



PHỤ LỤC 2

<TÀI LIỆU>

**QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA NCSP
ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC KINH DOANH**



QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA NCSP

ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC KINH DOANH

Ở NCSP, chúng ta tin rằng các quan hệ công việc được xây dựng dựa trên cơ sở “tin cậy lẫn nhau và cả hai bên cùng có lợi” là vấn đề tối quan trọng đối với thành công của Công ty. Chúng ta sẽ cố gắng tạo ra lợi ích chung bằng việc hiểu rõ nhu cầu của các đối tác, khách hàng, các nhà thầu, nhà cung cấp, và làm việc một cách trung thực, với tinh thần trách nhiệm và công bằng. Chúng ta sẽ sản xuất, kinh doanh một cách công bằng và chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp.

a. Nhận quà, tặng quà và vui chơi giải trí

Việc trao đổi quà tặng và vui chơi giải trí có thể góp phần xây dựng thiện chí trong quan hệ công việc, nhưng một số quà tặng và hình thức vui chơi giải trí có thể gây ra ảnh hưởng không đúng (hoặc tạo cảm tưởng về ảnh hưởng không đúng). Một số trường hợp còn có thể bị xem là hối lộ và sẽ làm xấu đi uy tín của NCSP về cam kết coi trọng sự công bằng, hoặc thậm chí bị coi là vi phạm pháp luật.

‘Quà tặng và vui chơi giải trí’ nghĩa là bất kỳ thứ gì có giá trị, ví dụ như việc giảm giá, chiết khấu, cho vay, các điều kiện ưu đãi đối với bất kỳ sản phẩm hay dịch vụ nào, các dịch vụ, giải thưởng, vận chuyển hoặc sử dụng phương tiện đi lại của Công ty khác, sử dụng các nhà nghỉ, khách sạn, chứng khoán hoặc các loại cổ phiếu khác, tham gia vào việc chào bán chứng khoán, cải tạo nhà cửa, vé và phiếu tặng quà.

Quà tặng và vui chơi giải trí giữa các nhân viên của NCSP và các đối tượng khác được chia thành ba nhóm:

- Những loại không bao giờ được chấp nhận.
- Những loại có thể được chấp nhận nhưng phải được phê duyệt trước.
- Những loại thường là được chấp nhận và bản thân nhân viên có thể đồng ý.



Không được chấp nhận	Có thể được chấp nhận nhưng phải được phê duyệt trước của Cấp trên trực tiếp	Thường là được chấp nhận và bản thân nhân viên có thể đồng ý.
<ul style="list-style-type: none"> • Bất cứ quà biếu hoặc hình thức vui chơi giải trí bất hợp pháp (bất cứ thứ gì biếu cho một quan chức nhà nước có thể vi phạm luật phòng chống tham nhũng). • Các quà biếu hoặc hình thức vui chơi giải trí nào có sự tham gia của các bên đang tiến hành đấu thầu hoặc đang tham gia vào một quá trình chào hàng cạnh tranh. • Bất cứ quà biếu hoặc hình thức vui chơi giải trí 'có điều kiện' nào (được đưa ra để đổi lại một cái gì đó). • Bất cứ hình thức vui chơi giải trí nào không đúng đắn, có xu hướng tình dục, không tuân theo cam kết của NCSP về tôn trọng lẫn nhau, hoặc 	Quà	
	Các quà biếu có giá trị ≤ 100 đô la Mỹ một người/ sự kiện	Các loại quà có giá trị nhỏ như bút, lịch hoặc các loại quà khuyến mại nhỏ ≤ 50 đô la Mỹ / sự kiện.
	Ăn uống	
	Các bữa ăn có giá trị ≤ 100 đô la Mỹ một người/ sự kiện	Thỉnh thoảng ăn những bữa cơm giao lưu bình thường với người mình có mối quan hệ làm việc có giá trị ≤ 50 đô la Mỹ / sự kiện.
	Vui chơi, giải trí	



<p>ngược lại có thể ảnh hưởng xấu tới uy tín của NCSP.</p>	<p>Giải trí bao gồm các sinh hoạt giải trí có giá trị ≤ 100 đô la Mỹ một người/ sự kiện</p>	<p>Thỉnh thoảng tham dự các sự kiện thể thao, nghệ thuật và các sự kiện văn hóa bình thường khác ≤ 50 đô la Mỹ / sự kiện.</p>
--	---	---

Do tính chất đặc thù của văn hóa Việt Nam, bạn có thể được chấp thuận cho, nhận một số loại quà biếu bằng tiền mặt hoặc tương tự như tiền mặt (chẳng hạn phiếu tặng quà, các khoản vay, cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu) trong các trường hợp đặc biệt sau:

- *Tham gia các Hội nghị, Đại hội chính thức của các đơn vị ngang cấp, Công ty mẹ hoặc cao hơn.*
- *Tham gia các sự kiện mà món quà được phát đều cho tất cả mọi người với đầy đủ các thành phần khác nhau và có ý nghĩa của một món quà quảng cáo.*
- *Món quà NCSP cho khách nhân dịp Tết cổ truyền, sự kiện lớn của NCSP mà đã được Ban giám đốc phê chuẩn.*

Thông thường, các món quà biếu trong các trường hợp này có giá trị dưới 50 USD. Trong trường hợp cao hơn, bạn phải ngay lập tức xin ý kiến chấp thuận của một thành viên Ban giám đốc.

Bất cứ quà tặng, bữa ăn có liên quan đến công việc và vui chơi giải trí nào có giá trị trên 100 đô la Mỹ / một người đều phải được cấp trên là một thành viên của Ban giám đốc phê duyệt trước.

Không phân biệt giá trị của mỗi lần được nhận hoặc cho, nhân viên phải báo cáo cho cấp trên trực tiếp của mình nếu tổng số lần nhận hoặc cho quà từ một nguồn nhiều hơn 3 lần một năm.

Những điều quan trọng khác cần biết về quà biếu và vui chơi giải trí.

Tất cả các bữa ăn có liên quan đến công việc, quà biếu và vui chơi giải trí có giá trị từ 25 đô la Mỹ trở lên - cho dù các nhân viên của NCSP chấp nhận/từ chối hay cung cấp – đều phải được



đăng ký vào Hệ thống Đăng ký Quà biếu và Vui chơi Giải trí. Quy định này không áp dụng cho các bữa ăn ở văn phòng/ nhà máy của NCSP.

Phải làm gì khi bạn nhận được một quà biếu không được phép?

Bạn phải trả lại ngay lập tức mọi quà biếu không được phép. Tuy nhiên, nhân viên có thể nhận một quà biếu vượt quá giới hạn giá trị được quy định nếu việc từ chối sẽ làm ảnh hưởng đến thể diện người tặng, nhưng quà biếu đó phải được báo cáo cho cấp trên trực tiếp là một thành viên của Ban giám đốc để quyết định xem:

- Người nhận có thể giữ lại quà biếu đó.
- Giữ lại quà biếu đó để phục vụ cho lợi ích của NCSP.
- Quà biếu sẽ được bán và tiền thu được sẽ được sử dụng cho mục đích từ thiện
- Trả lại quà biếu cho người tặng.
- Sẽ báo cáo với cấp lãnh đạo cao hơn để có quyết định cuối cùng.

Sau khi báo cáo với cấp trên trực tiếp/ Lãnh Đạo Cao nhất và thực hiện các hành động phù hợp, bạn phải nhanh chóng đăng ký vào Sổ đăng ký quà biếu và vui chơi giải trí.

b. Xung đột quyền lợi

NCSP tôn trọng bí mật riêng tư của các nhân viên và do vậy thường không quan tâm tới hành vi cá nhân bên ngoài phạm vi công việc. Tuy nhiên, khi các hoạt động cá nhân, xã hội, tài chính hoặc chính trị của một nhân viên ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến lòng trung thành và tính khách quan của nhân viên đối với Công ty, 'xung đột quyền lợi' có thể xảy ra và cần phải được giải quyết một cách thỏa đáng. Phải tránh các xung đột thực sự, nhưng thậm chí những điều có vẻ có xung đột về quyền lợi cũng có thể ảnh hưởng đến bạn.

Xung đột quyền lợi có thể phát sinh theo nhiều cách. Sau đây là các thí dụ về một số xung đột quyền lợi khá thông thường.

- Các công việc và mối quan hệ bên ngoài:

Việc làm và các mối quan hệ bên ngoài Công ty có thể tạo ra các xung đột quyền lợi. Các thí dụ gồm:



- Có việc làm khác với công việc chính thức trong NCSP.
- Thực hiện các dịch vụ cho các công ty bên ngoài.
- Làm việc với tư cách là một giám đốc hoặc nhà tư vấn của công ty khác.
- Có quyền lợi tài chính tại một doanh nghiệp khác.

Bất cứ trường hợp nào trong các trường hợp trên có liên quan tới một bên thứ ba là một đối thủ cạnh tranh, khách hàng hoặc nhà cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ cho NCSP, đều có thể làm phát sinh xung đột quyền lợi, hoặc có vẻ có xung đột quyền lợi (Quy tắc này cũng áp dụng nếu có quan hệ như vậy với một tổ chức đang tìm cách trở thành một đối thủ cạnh tranh, khách hàng hoặc nhà cung cấp).

Một số hoạt động loại này không bao giờ được phép. Thí dụ, trên cương vị nhân viên NCSP, bạn không bao giờ được làm việc hoặc cung cấp dịch vụ cho bất cứ ai đang có quan hệ làm ăn, công tác với NCSP.

Đối với tất cả các mối quan hệ khác với các đối thủ cạnh tranh, khách hàng hoặc các nhà cung cấp mà có thể làm phát sinh một xung đột quyền lợi, trước tiên bạn phải thông báo về mối quan hệ này và phải được cấp trên trực tiếp phê duyệt bằng văn bản.

- Các công việc và mối liên kết của họ hàng thân thuộc:

'Họ hàng thân thuộc' nghĩa là vợ hoặc chồng, người yêu, bố mẹ, bố dượng hoặc mẹ kế, con cái, con riêng của vợ hoặc chồng, anh chị em ruột, anh chị em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ, cháu trai, cháu gái, cô, dì, chú, bác, ông, bà, cháu nội, cháu ngoại, bên nhà vợ hoặc bên nhà chồng.

Đôi khi các hoạt động của họ hàng thân thuộc cũng có thể tạo ra các xung đột quyền lợi. Nếu bạn biết rằng một người 'họ hàng thân thuộc' làm việc hoặc thực hiện các dịch vụ cho một đối thủ cạnh tranh, khách hàng hoặc nhà cung cấp, bạn phải ngay lập tức thông báo cho Cấp Trên Trực Tiếp của bạn để quyết định xem có cần phải làm gì hay không. Nói chung, họ hàng của bạn không nên có các giao dịch công việc với bạn, với bất cứ người nào làm việc trong bộ phận/phòng ban của bạn, hoặc với bất cứ người nào là cấp dưới của bạn. Ngoài ra, bạn không được tham dự vào việc tuyển dụng, chỉ đạo, gây ảnh hưởng tới các điều khoản và điều kiện của hợp đồng tuyển dụng, hoặc tác động đến việc quản lý họ hàng thân thuộc của bạn, bất kể người



đó là nhân viên của NCSP hay nhà thầu của NCSP. Các trường hợp ngoại lệ cần phải được Cấp Trên Trực Tiếp của bạn phê duyệt. Bạn cũng phải cẩn thận thông báo với Cấp Trên Trực Tiếp của bạn nếu bạn có các mối quan hệ khác có thể làm phát sinh, hoặc có biểu hiện làm phát sinh xung đột quyền lợi.

- Hội đồng quản trị:

Đôi khi, một nhân viên có thể được yêu cầu làm trong Hội đồng quản trị của một tổ chức khác và trong một số trường hợp, việc này có thể làm phát sinh xung đột quyền lợi hoặc thậm chí một vấn đề pháp lý. Trước khi chấp nhận chức vụ thành viên Hội đồng quản trị (kể cả cho các tổ chức phi lợi nhuận), nhất thiết phải có phê duyệt bằng văn bản từ Lãnh Đạo Cao nhất NCSP.

- Các khoản đầu tư:

Các nhân viên và người thân cần phải lưu ý để các khoản đầu tư của họ không làm phát sinh xung đột quyền lợi, làm phương hại tới khả năng của nhân viên đó, khi họ thay mặt NCSP đưa ra các quyết định khách quan.

Các xung đột có thể xảy ra nếu thực hiện các khoản đầu tư vào các đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp, hoặc khách hàng. Bất cứ 'quyền lợi đáng kể' nào mà bạn có trong một đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp hoặc khách hàng đều phải được cấp trên trực tiếp của bạn phê duyệt trước bằng văn bản.

'Quyền lợi đáng kể' nghĩa là bất cứ quyền lợi kinh tế nào có thể tác động hoặc có biểu hiện tác động tới phán xét của bạn. (Thông thường, quyền sở hữu dưới 1% cổ phần của một Công ty hiện tại hoặc có tiềm năng là đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp hoặc khách hàng sẽ không bị coi là một "Quyền lợi đáng kể". Nếu không chắc chắn, hãy kiểm tra với cấp trên trực tiếp của bạn hoặc Lãnh Đạo Cao nhất NCSP.

Một số khoản đầu tư chắc chắn là không hợp lệ:

- Đầu tư vào một nhà cung cấp nếu bạn có liên quan đến việc lựa chọn hoặc thẩm định/đánh giá, hoặc thương thảo với nhà cung cấp đó, hoặc nếu bạn là cấp trên của bất cứ người nào có trách nhiệm làm việc đó.
- Đầu tư vào một khách hàng nếu bạn chịu trách nhiệm về các giao dịch với khách hàng đó hoặc là cấp trên của bất cứ người nào có trách nhiệm trong giao dịch đó.



Khai báo xung đột quyền lợi:

- Mỗi nhân viên được yêu cầu hoàn thành Bản Khai báo Xung đột Quyền lợi ngay trong tháng làm việc đầu tiên tại Công ty. Ngoài các nguyên tắc cơ bản nêu trên, tất cả nhân viên được khuyến khích khai báo các xung đột tiềm ẩn như là một biện pháp phòng ngừa. Các thông tin do nhân viên cung cấp trong Bản khai báo sẽ được giữ bí mật bởi Phòng Nhân sự và cấp trên trực tiếp.
- Các nhân viên cần đọc kỹ Bản khai báo xung đột quyền lợi để hiểu đầy đủ các nội dung và tình huống trước khi hoàn thành Bản khai báo. Nếu có nghi ngờ hãy hỏi ý kiến Cấp Trên Trực Tiếp hoặc Phòng Nhân sự.
- Nhân viên cố tình không ký bản Khai báo xung đột quyền lợi và/hoặc không khai báo xung đột quyền lợi đang xảy ra có thể bị xử lý kỷ luật.

c. Rửa tiền

Rửa tiền là quá trình các cá nhân hoặc tổ chức cố gắng che giấu các khoản tiền bất hợp pháp, hoặc làm cho các khoản tiền này có vẻ hợp pháp. NCSP sẽ không chấp nhận, giúp đỡ hoặc ủng hộ việc rửa tiền.

Rất ít cá nhân nhân viên của NCSP có thể bị ở vào một tình thế có thể vi phạm các quy định về 'rửa tiền', nhưng có hai lĩnh vực mà tất cả chúng ta cần phải đề phòng:

- Có sự bất bình thường trong hình thức thanh toán.
- Các khách hàng tỏ ra thiếu trung thực trong hoạt động của họ.

Có sự bất bình thường trong hình thức thanh toán:

NCSP áp dụng các thủ tục tránh nhận tiền mặt có nguồn gốc từ thu nhập bất chính. Cảnh giác với:

- Các khoản thanh toán trả bằng loại tiền tệ khác với loại tiền tệ ghi trong hóa đơn.
- Các cố gắng để thanh toán bằng tiền mặt hoặc các hình thức tương đương tiền mặt.
- Việc thanh toán do một người nào đó không phải là một bên trong hợp đồng (trừ khi được chấp thuận).



- Việc trả tiền vào/từ một tài khoản không phải là tài khoản có quan hệ kinh doanh thông thường.
- Yêu cầu hoặc cố gắng được thanh toán từng hóa đơn hoặc một nhóm các hóa đơn bằng nhiều séc hoặc hối phiếu thanh toán.
- Đề nghị thanh toán nhiều hơn số tiền phải trả.

Hiểu các quy định đối với khách hàng.

LUÔN LUÔN

- Đánh giá sự chính trực của các khách hàng tiềm năng hoặc đối tác kinh doanh khác.
- Thông tin cho các khách hàng biết về các yêu cầu tuân thủ quy định của Công ty.
- Liên tục nắm bắt thông lệ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các khách hàng.
- Không giao dịch với bất cứ khách hàng hoặc đối tác kinh doanh nào bị nghi ngờ có hành vi sai trái liên quan tới các giao dịch với chúng ta trừ khi các mối nghi ngờ đó đã được điều tra, giải quyết.

d. Làm việc với nhà cung cấp

Các nhà cung cấp của NCSP đóng một vai trò hết sức quan trọng trong công tác sản xuất, kinh doanh. Vì vậy chúng ta phải lựa chọn cẩn thận các nhà cung cấp dựa vào năng lực của họ, và đòi hỏi các nhà cung cấp của chúng ta sẽ hành động nhất quán với các yêu cầu về tuân thủ các quy định và đạo đức kinh doanh của chúng ta.

Các quy tắc cơ bản nhân viên phải chấp hành:

- Lựa chọn các nhà cung cấp dựa vào năng lực, tránh xung đột quyền lợi, tránh các hình thức quà biếu và vui chơi giải trí không thích hợp hoặc bất cứ hình thức thiên vị nào có thể làm phương hại tới việc lựa chọn nhà cung cấp.
- Tìm kiếm cơ hội kinh doanh với các nhà cung cấp tuân thủ các yêu cầu pháp lý và hành động phù hợp với cam kết của NCSP về tuân thủ các quy định và đạo đức kinh doanh như nêu trong Bộ quy tắc này.



- Giúp các nhà cung cấp của chúng ta hiểu được các yêu cầu tuân thủ các quy định và đạo đức của NCSP.
- Cảnh giác và báo cáo với cấp quản lý trực tiếp về những hành động không nhất quán với các yêu cầu của các nhà cung cấp.
- Không cung cấp các thông tin kinh doanh bí mật của nhà cung cấp này (giá chào, thông tin trúng thầu, v.v...) cho nhà cung cấp khác.



PHẦN 3

PHẠM VI CÔNG VIỆC



PHẦN 4

GIÁ CẢ HỢP ĐỒNG VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

.....



GIÁ CẢ HỢP ĐỒNG VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

1. GIỚI THIỆU CHUNG
2. HUY ĐỘNG NHÂN SỰ VÀ TRANG THIẾT BỊ
3. DỊCH VỤ THỰC HIỆN BỞI BÊN THỨ BA
4. MỨC GIÁ CỐ ĐỊNH
5. CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ THANH TOÁN
6. CÁC MỨC GIÁ VÀ CHI PHÍ
7. BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Phụ lục 1: Các qui định riêng về việc xuất hóa đơn

Phụ lục 2: Mẫu Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng

Phụ lục 3: Bảng giá chi tiết



1. GIỚI THIỆU CHUNG

- 1.1 Tiền thù lao được ghi chi tiết ở đây được xem là bao gồm tất cả các khoản, và đã tính đến mọi khoản chi phí do NHÀ THẦU phát sinh trong việc tuân thủ tất cả các điều kiện và điều khoản của HỢP ĐỒNG, và là tổng khoản thù lao phải trả cho NHÀ THẦU khi hoàn thành CÔNG VIỆC một cách hoàn toàn thỏa đáng.
- 1.2 NHÀ THẦU sẽ không được hưởng khoản tiền thù lao về khoảng thời gian mà nhân sự và trang thiết bị cung cấp hoạt động không hiệu quả:-
- (a) do việc NHÀ THẦU cung cấp thiếu hoặc chậm trễ nhân sự, trang thiết bị, thông tin, hoặc vật tư, với điều kiện là CÔNG TY đã có thông báo đầy đủ cho NHÀ THẦU về nhu cầu đối với việc cung cấp đó; và/hoặc
 - (b) do việc không lập kế hoạch thuộc về phần của NHÀ THẦU.
- 1.3 Không có khoản thù lao nào sẽ được thanh toán cho CÔNG VIỆC không được thực hiện đúng theo HỢP ĐỒNG.
- 1.4 Tất cả các mức giá được quy định ở phần này đều bằng tiền **Đồng Việt Nam**.

2. HUY ĐỘNG NHÂN SỰ & TRANG THIẾT BỊ

NHÀ THẦU, bằng chi phí của mình, sẽ chịu trách nhiệm về việc huy động nhân sự, trang thiết bị, và vật tư của mình đến và đi khỏi NƠI LÀM VIỆC được CÔNG TY chỉ định như ghi rõ ở Phụ lục 1 của Phần 3 – Phạm vi Công việc.

3. DỊCH VỤ THỰC HIỆN BỞI BÊN THỨ BA

Trường hợp CÔNG TY yêu cầu các dịch vụ của bên thứ ba theo HỢP ĐỒNG này và NHÀ THẦU cung cấp các dịch vụ đó thì NHÀ THẦU sẽ được thanh toán bằng mức giá thực tế của dịch vụ đó.

4. GIÁ CỐ ĐỊNH

Các mức giá và phí được quy định ở Điều 6 – Các mức Giá và Phí dưới đây sẽ cố định trong suốt thời hạn của HỢP ĐỒNG.

Trường hợp CÔNG TY yêu cầu NHÀ THẦU cung cấp thêm các dịch vụ, trang thiết bị và nhân sự ngoài các dịch vụ, trang thiết bị và nhân sự đã quy định trong phần Phạm vi Công việc và có mức giá/phí như quy định tại Điều 6 – Các mức Giá và Phí dưới đây, NHÀ THẦU sẽ được thanh toán trên cơ sở NHÀ THẦU lập báo giá gửi CÔNG TY xem xét phê duyệt, trước khi tiến hành cung cấp các dịch vụ, trang thiết bị và nhân sự phát sinh này.

5. THANH TOÁN VÀ XUẤT HÓA ĐƠN

5.1 Bản kê hàng tháng và việc Xuất hóa đơn

- 5.1.1 Trong vòng 10 (mười) ngày đầu của mỗi tháng NHÀ THẦU phải trình cho CÔNG TY ba bộ bản kê các khoản cần thanh toán cho CÔNG VIỆC đã được thực hiện trong tháng trước, cũng như về các vật tư đã cung cấp (nếu có).
- 5.1.2 Bản kê cho CÔNG VIỆC đã được thực hiện trong tháng trước này phải gồm có hóa đơn ghi rõ số HỢP ĐỒNG (như được quy định ở Phụ Lục 1 của Phần này), và phải đính kèm các chứng từ, thông tin có liên quan (bảng chấm công có chữ ký xác nhận của Đại diện của CÔNG TY, v.v...) mà CÔNG TY yêu cầu.

Các hóa đơn của NHÀ THẦU là hóa đơn VAT theo mẫu do Bộ Tài Chính phát hành, và phải ghi rõ các chi tiết như quy định tại Mục 1.2 của Phụ lục 1 của Phần này

- 5.1.4 Trước khi trình hóa đơn để thanh toán lần cuối cùng, NHÀ THẦU phải bảo đảm rằng tất cả các hóa đơn về nhân công, vật tư, công việc của thầu phụ, thuê trang thiết bị, các



khoản thuế, bảo hiểm và mọi khoản phí khác phát sinh trong quá trình thực hiện CÔNG VIỆC đều đã được thanh toán bởi hoặc cho NHÀ THẦU.

Nếu trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn thành công việc mỗi tháng mà CÔNG TY không nhận được hóa đơn tài chính hợp pháp, hợp lệ của NHÀ THẦU, CÔNG TY sẽ có quyền từ chối thanh toán cho công việc của tháng đó.

NHÀ THẦU phải đảm bảo các hóa đơn tài chính xuất cho CÔNG TY là hóa đơn hợp pháp. Trường hợp hóa đơn của NHÀ THẦU đã xuất cho CÔNG TY bị cơ quan chức năng tuyên bố không hợp pháp dẫn đến phát sinh các tổn thất về pháp lý, về thuế cho CÔNG TY, NHÀ THẦU có trách nhiệm bồi thường cho CÔNG TY toàn bộ các tổn thất đó.

- 5.1.5 Việc NHÀ THẦU chấp nhận khoản thanh toán cuối cùng của CÔNG TY sẽ cấu thành sự miễn trừ toàn bộ và vô điều kiện với sự thỏa đáng hoàn toàn về mọi yêu cầu thanh toán của NHÀ THẦU đối với CÔNG TY, cho dù có bất kỳ quy định nào khác mâu thuẫn nêu trong HỢP ĐỒNG.
- 5.1.6 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, tùy theo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của NCSP, NCSP có quyền yêu cầu nhà thầu thưởng cho những nhân viên của nhà thầu có đóng góp tích cực cho NCSP. Khi đó, nhà thầu có nghĩa vụ chi thưởng cho những nhân viên này, và NCSP sẽ hoàn trả vào kỳ thanh toán tiếp theo.

5.2 Thanh toán bởi CÔNG TY

- 5.2.1 CÔNG TY sẽ thanh toán tất cả các hóa đơn bằng chuyển khoản vào tài khoản do NHÀ THẦU chỉ định, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được các hóa đơn đó.

Tài khoản ngân hàng mà CÔNG TY sẽ chuyển đến các khoản thanh toán cho NHÀ THẦU theo HỢP ĐỒNG được ghi chi tiết ở Phụ lục 1 của Phần này.
- 5.2.2 Nếu CÔNG TY có tranh chấp về hóa đơn hay mục nào của hóa đơn đó, trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn, CÔNG TY sẽ có văn bản thông báo cho NHÀ THẦU nêu rõ lý do chạnh chấp về hóa đơn hoặc phần nào của hóa đơn bị tranh chấp đó. Khoản thanh toán cho hóa đơn có tranh chấp đó sẽ bị giữ lại cho đến khi tranh chấp được giải quyết. Các khoản tiền bị giữ lại đó sẽ không bị chịu lãi trừ khi các hóa đơn gốc mà NHÀ THẦU đã trình sau này được CÔNG TY công nhận là đúng.
- 5.2.3 Việc CÔNG TY thanh toán các hóa đơn của NHÀ THẦU sẽ không phương hại đến quyền của CÔNG TY xem xét lại sự chính xác của các hóa đơn đó về sau này.
- 5.2.4 Bất kỳ khoản chi phí cho dù thuộc bất kỳ bản chất nào phát sinh bởi NHÀ THẦU liên quan đến HỢP ĐỒNG mà trách nhiệm thanh toán khoản chi phí đó không được ghi rõ trong HỢP ĐỒNG sẽ đều do NHÀ THẦU chi trả.
- 5.2.5 Việc thanh toán bởi CÔNG TY về bất kỳ khoản nào do NHÀ THẦU đệ trình lên sẽ không miễn trừ NHÀ THẦU khỏi bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo HỢP ĐỒNG, hoặc được xem là việc phê chuẩn hay chấp nhận công việc mà khoản thanh toán đó bao gồm.

6. CÁC MỨC GIÁ VÀ PHÍ

Khi xét thấy NHÀ THẦU hoàn thành một cách thỏa đáng các CÔNG VIỆC như được ghi rõ ở Phần 3 – Phạm vi Công việc, CÔNG TY sẽ thanh toán cho NHÀ THẦU theo các mức giá sau đây (xem qui định chi tiết tại Phụ lục 3- Bảng giá chi tiết):

6.1 Giá trị của hợp đồng

Tổng giá trị ước tính của hợp đồng sẽ không vượt quá**VND** (bằng chữ:*đồng Việt Nam*), đã bao gồm VAT và toàn bộ chi phí liên quan. Chi tiết như Phụ lục 03 – Bảng giá chi tiết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế Giá trị gia tăng (VAT) có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY sẽ từ chối thanh toán bất kỳ hóa đơn nào nếu giá trị cộng dồn tính đến hóa đơn đó kể từ khi bắt đầu thực hiện dịch vụ lớn hơn giá trị ước tính nêu trên trừ khi có văn bản điều chỉnh chính thức của CÔNG TY.

6.2 Nhân sự phát sinh

Trường hợp CÔNG TY có văn bản yêu cầu NHÀ THẦU cung cấp thêm nhân sự để thực hiện các công việc ngoài Phạm vi Công việc như quy định ở Phần 3, sau khi nhận được văn bản yêu cầu từ CÔNG TY hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN của CÔNG TY, NHÀ THẦU phải tổ chức cung cấp số lượng nhân sự theo yêu cầu đó.

Mức thù lao trả cho nhân sự phát sinh, áp dụng cho tất cả các vị trí công việc như sau:

.....**VND / giờ làm việc**

Lưu ý: Mức giá chưa bao gồm VAT, quản lý phí nhưng đã bao gồm các chi phí khác liên quan.

6.3 Làm ngoài giờ

CÔNG TY sẽ thanh toán cho NHÀ THẦU khoản thù lao cho các công việc làm ngoài giờ khi những công việc này được CÔNG TY hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN của CÔNG TY yêu cầu trước, hoặc khi yêu cầu làm ngoài giờ đó không phải do việc NHÀ THẦU không đủ khả năng duy trì tiến độ thực hiện công việc như đã thỏa thuận.

Nhân sự của NHÀ THẦU làm việc ngoài giờ sẽ được hưởng mức thù lao theo quy định của Luật Lao động Việt Nam.

Bảng chấm công cho việc làm ngoài giờ phải có xác nhận phê duyệt của NGƯỜI ĐẠI DIỆN của CÔNG TY và sẽ được dùng làm tài liệu/ chứng từ để xuất hóa đơn.

7. BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký HỢP ĐỒNG này, NHÀ THẦU phải thông báo bằng fax/telex cho CÔNG TY về việc phát hành Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (theo mẫu trong Phụ lục số 2 dưới đây là bộ phận không tách rời của HỢP ĐỒNG này) có giá trị tương đương **3% (ba phần trăm)** giá trị HỢP ĐỒNG. Bảo lãnh này được phát hành bởi Ngân hàng lớn tại Việt Nam được CÔNG TY chấp nhận. NHÀ THẦU cũng phải thông báo cho CÔNG TY số, ngày và toàn bộ nội dung của Bảo lãnh.

NHÀ THẦU chịu tất cả chi phí liên quan đến việc phát hành Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Nếu CÔNG TY không nhận được Bảo lãnh có hiệu lực trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, CÔNG TY có quyền hủy bỏ HỢP ĐỒNG vào bất cứ lúc nào và rút Bảo lãnh dự thầu mà không cần có sự can thiệp của tòa án hoặc trọng tài.

Nếu phải gia hạn thêm hiệu lực Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (vì lý do chậm hoàn tất dịch vụ, gia hạn thêm thời gian thực hiện dịch vụ...), NHÀ THẦU phải lập tức yêu cầu Ngân hàng Phát hành sửa đổi Bảo lãnh. Ngân hàng Phát hành phải thông báo cho CÔNG TY tất cả các sửa đổi này thông qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Vũng Tàu.

Nếu CÔNG TY sử dụng quyền rút Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, CÔNG TY phải lập tức gửi cho NHÀ THẦU bản chụp thông báo gửi Ngân hàng.

8. PHẠT VI PHẠM

Nếu NHÀ THẦU không thể cung cấp nhân sự yêu cầu trong vòng 01 (một) ngày kể từ khi CÔNG TY có yêu cầu thì CÔNG TY có quyền phạt NHÀ THẦU mức phạt 0.1% giá trị HỢP ĐỒNG cho mỗi ngày chậm.

Tổng mức phạt đã thỏa thuận không vượt quá 8% giá trị hợp đồng.

Nếu việc chậm trễ như nêu trên vượt quá 1 tuần (07 ngày), NCSP sẽ xem xét việc quyết định chấm dứt HỢP ĐỒNG hay không. Trong trường hợp NCSP quyết định chấm dứt HỢP ĐỒNG, Nhà thầu sẽ bồi thường các thiệt hại do việc chấm dứt HỢP ĐỒNG gây ra cho CÔNG TY và CÔNG TY có quyền rút Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Mức phạt vi phạm đã được hai bên thỏa thuận và không cần sự can thiệp của Tòa án hoặc Trọng Tài. Số tiền phạt sẽ được CÔNG TY trừ vào hóa đơn của NHÀ THẦU khi thanh toán hoặc trừ vào số tiền mà CÔNG TY còn đang tạm giữ của NHÀ THẦU trong các hợp đồng khác đang có hiệu lực giữa các bên vào thời điểm đó hoặc NHÀ THẦU phải thanh toán ngay, nhưng không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày yêu cầu đầu tiên của CÔNG TY.



Phụ lục 1 - CÁC QUI ĐỊNH RIÊNG VỀ VIỆC XUẤT HÓA ĐƠN

- 1.1 Mọi khoản thanh toán và chi phí phải trả cho (các) NHÀ THẦU PHỤ là phần của bảng kê các khoản thanh toán hàng tháng phải có hóa đơn gốc VAT hợp pháp. CÔNG TY sẽ không thanh toán các khoản chi phí nếu không có hóa đơn VAT hợp pháp.
- 1.2 Các hóa đơn và các chứng từ thanh toán khác phải ghi rõ tên, địa chỉ, mã số thuế của CÔNG TY và số HỢP ĐỒNG như sau:

Tên công ty: **NAMCONSON PIPELINE CO.**
Địa chỉ: Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền,
Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế: **3500410112-001**
Số Hợp đồng:

và được gửi về địa chỉ sau:

Nơi nhận: **NAMCONSON PIPELINE CO.**
Địa chỉ: Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền,
Thành phố Hồ Chí Minh

Người nhận: **Kế toán Thanh toán** – Phòng Kế toán

Việc không tuân thủ các điều khoản trên sẽ dẫn đến hóa đơn bị trả lại hoặc bị chậm thanh toán.

- 1.3 Tài khoản ngân hàng mà CÔNG TY sẽ chuyển đến các khoản thanh toán cho NHÀ THẦU như sau:

Tên tài khoản:

Tên ngân hàng:

Số tài khoản:

Mọi thay đổi về các chi tiết nói trên đều phải được thực hiện bằng Văn bản Sửa đổi của HỢP ĐỒNG.



Phụ lục 2

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên công ty]
(sau đây gọi là công ty)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ _____ [mô tả dịch vụ] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong hợp đồng, nhà thầu phải nộp cho công ty bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] ở _____ [Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền tương đương 3% (ba phần trăm) giá trị hợp đồng là ...**VNĐ** (Bằng chữ: ...**đồng Việt Nam**)

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho công ty bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của công ty thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết **ngày 31 tháng 10 năm 2026** (ngày kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng cộng 60 ngày)

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Phụ lục 3 – BẢNG GIÁ CHI TIẾT



PHẦN 5

QUI ĐỊNH VỀ SỨC KHỎE – AN TOÀN & MÔI TRƯỜNG (Như yêu cầu trong Phạm vi Công việc)



PHẦN 6

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC CỦA NHÀ THẦU



1. GIỚI THIỆU

CÔNG TY có chiến lược về “Quản lý thực hiện hợp đồng của NHÀ THẦU”. Mục tiêu của việc Quản lý thực hiện hợp đồng của NHÀ THẦU là nhằm quản lý hiệu quả và chất lượng dịch vụ do NHÀ THẦU cung cấp, đảm bảo dịch vụ được thực hiện đúng theo các qui định đã đề ra trong hợp đồng đã ký.

Việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc của NHÀ THẦU được thực hiện cơ bản bằng cách xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và việc tuân thủ các quy định của CÔNG TY về Quản lý An ninh, An toàn, SKMT.

2. BẢN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC CỦA NHÀ THẦU

Bản đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhà thầu như Phụ lục 1 dưới đây được dùng để đánh giá hiệu quả thực hiện hợp đồng của NHÀ THẦU.

Việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhà thầu sẽ được tiến hành ngay sau khi hoàn thành hợp đồng. Trường hợp NHÀ THẦU có kết quả đánh giá là “KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU” hoặc “KÉM” ở bất cứ một tiêu chí nào trong Bản đánh giá, CÔNG TY sẽ xem xét có mời NHÀ THẦU tham gia các gói thầu tiếp theo của CÔNG TY hay không.

3. QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC

NHÀ THẦU phải cung cấp một đầu mối liên hệ 24/24 có trách nhiệm giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực hiện công việc.

Nhân viên của NHÀ THẦU làm việc cho NCSP sẽ được chỉ dẫn rõ ràng và được đưa ra các yêu cầu về thực hiện công việc.

Khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, đại diện CÔNG TY, NHÀ THẦU và nhân viên của NHÀ THẦU sẽ có các cuộc họp trao đổi trực tiếp hoặc qua email, fax, văn bản để cùng giải quyết vấn đề.



PHỤ LỤC 1

BẢN ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC CỦA NHÀ THẦU

Hợp đồng/ Đơn hàng số:

Sau khi kiểm tra tất cả các hạng mục công trình mà Nhà thầu đã thực hiện theo Hợp đồng/Đơn hàng số (Mô tả đơn hàng:

.....) của Công ty Đường Ống Khí Nam Côn Sơn (NCSP), NCSP nhận xét, đánh giá về mức độ hoàn thành công việc của Nhà thầu như sau:

STT	Nội dung đánh giá	Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	Kém	Nhận xét chi tiết
1	Công tác chuẩn bị tài liệu của Nhà thầu						
1.1	Nội dung tài liệu phù hợp với yêu cầu công việc						
1.2	Thời hạn đệ trình và phê duyệt						
2	Quản lý kế hoạch và tiến độ thực tế						
3	Chất lượng vật tư Nhà thầu cung cấp						
4	Quản lý công việc						
4.1	Sự hợp tác, phối hợp của Nhà thầu						
4.2	Chất lượng Nhân viên giám sát của Nhà thầu						
4.3	Chất lượng Nhân viên của Nhà thầu						
4.4	Chất lượng Công việc của Nhà thầu						
4.5	Chất lượng công việc của Nhà thầu phụ (nếu có)						
5	Quản lý An ninh, An toàn, SKMT						
5.1	Mức độ tuân thủ các qui định liên quan an ninh, an toàn, SKMT						
5.2	Mức độ tuân thủ các yêu cầu trong Giấy phép làm việc						
5.3	Nhận thức về an toàn trong công việc của Nhà thầu và Nhân viên Nhà thầu						
6	Kết quả chung						

Ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

.....

Ghi chú : Trường hợp có nội dung bị đánh giá là Không đạt yêu cầu hoặc Kém, cần ghi rõ lý do và các thông tin liên quan. NCSP sẽ xem xét việc mời Nhà thầu tham gia các gói thầu tiếp theo nếu như Nhà thầu bị đánh giá là Không đạt yêu cầu hoặc Kém.

Nhóm Đánh giá :

Phụ trách kỹ thuật (End-User):	Phụ trách HSSE (HSSE rep):	Phòng ban khác (other): nếu End-user thấy cần thiết
Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....	Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....	Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....

Nhóm phê duyệt :

Trưởng nhóm (User's Line Manager)	Người phê duyệt (FAL):
Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....	Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....

Người phụ trách mua sắm (Buyer) của Hợp đồng/ Đơn hàng: Xác nhận đã nhận và lưu thông tin

Tên:.....
Ngày:.....
Chức vụ:.....

Lưu ý :

Biên bản đánh giá này là bản tổng hợp ý kiến nhận xét của các cán bộ chuyên môn NCSP về năng lực thi công và mức độ hoàn thành/đáp ứng công việc của Nhà thầu

- Lưu: - Bản gốc: người phụ trách kỹ thuật (end-user)*
- Copy: Người phụ trách mua sắm (buyer), nhà thầu.

